

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THƯ VIỆN TỈNH BẮC NINH

HỒ CHÍ MINH

VỚI HÀNH TRÌNH
THỰC HIỆN KHÁT VỌNG
ĐỘC LẬP DÂN TỘC
VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI



BẮC NINH, THÁNG 6 NĂM 2021

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU.....	4
PHẦN I: NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH: HÀNH TRÌNH CỨU NƯỚC	6
Tầm vóc, ý nghĩa lịch sử sự kiện Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước - PGS, TS BÙI ĐÌNH PHONG	8
Những công hiến đối với Quốc tế cộng sản trong những năm tháng tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - ĐẠI TÁ, PGS, TS. LƯU NGỌC KHẢI	11
Những hoạt động lý luận của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn tìm đường cứu nước - THIẾU TƯỚNG, PGS, TS NGUYỄN VĂN THỂ	17
Nguyễn Ái Quốc và hành trình tiếp thu tư tưởng, văn hóa phương tây - VŨ KIM YẾN	21
Người đặt nền móng, xây dựng tư tưởng Mác-xít ở Việt Nam - THIẾU TƯỚNG, PGS, TS NGUYỄN BÁ DƯƠNG	24
Hành trình trở thành người Đảng viên cộng sản của Nguyễn Ái Quốc - GS, TS PHẠM HỒNG TUNG	28
Bác Hồ tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với cách mạng Việt Nam - NGUYỄN VINH QUANG	32
Con đường cách mạng Hồ Chí Minh độc lập, tự cường và sáng tạo - PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC	36
Hồ Chí Minh với khát vọng Độc lập - Tự do - Hạnh phúc cho dân tộc việt nam - GS, TS HOÀNG CHÍ BẢO	40
Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Động cơ trong sáng, giá trị sâu sắc - THS. NGUYỄN QUANG BÌNH	44
Lan tỏa khát vọng độc lập và tinh thần dấn thân vì tổ quốc - PGS.TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC	45
PHẦN II: VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG NGƯỜI ĐÃ CHỌN	51
Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - GIÁO SU, TIẾN SĨ NGUYỄN PHÚ TRỌNG, TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	51
Hồ Chí Minh - Hiện thân của đôi mắt; tư tưởng, đạo đức, phong	62

**cách của Người soi sáng sự nghiệp đổi mới của Đảng và nhân dân ta -
GS,TS. PHÙNG HỮU PHÚ**

Vững bước trên con đường bác đã chọn - T.HUYỀN **69**

**Con đường cứu nước của Bác - mục tiêu, lý tưởng của Đảng -
THIẾU TƯỚNG, TS. ĐỖ HỒNG LÂM** **73**

PHẦN III: THƯ MỤC SÁCH VỀ LÃNH TỤ NGUYỄN ÁI QUỐC **80**
VÀ CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGƯỜI

**CẬP NHẬT THÔNG TIN TẠI WEBSITE:
thuvientinh.bacninh.gov.vn.**

Chịu trách nhiệm nội dung:

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Luyện

BIÊN SOẠN VÀ PHÁT HÀNH TẠI:

Thư viện tỉnh Bắc Ninh
Số 1, đường Lý Thái Tổ, phường Suối Hoa, TP.
Bắc Ninh.

Email: thuvienbacninh@gmail.com

ĐT: 0222.3822588 - 3875966

LỜI GIỚI THIỆU

Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, khi đi học tên là Nguyễn Tất Thành, hoạt động cách mạng lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, sau đổi tên Hồ Chí Minh) sinh ngày 19/5/1890, tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, lớn lên trong tình cảnh đất nước ta bị thực dân Pháp xâm lược. Các phong trào vũ trang kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta nổi lên mạnh mẽ trong cả nước, tiêu biểu như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực... ở Nam Bộ; Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Xuân Ôn, Phan Đình Phùng... ở miền Trung; Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích... ở miền Bắc. Tuy nhiên, do chưa có một đường lối kháng chiến rõ ràng, lại dựa trên ý thức hệ phong kiến, nên các phong trào trên đều thất bại. Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản với sự xuất hiện của các phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, Duy Tân của Phan Chu Trinh... nhưng cũng lần lượt thất bại.

Chứng kiến sự bóc lột, đày đọa nhân dân ta hết sức tàn bạo của thực dân Pháp; những điều tai nghe, mắt thấy về sự hy sinh xương máu to lớn của nhân dân ta nhưng không đạt mục đích giải phóng dân tộc ta khỏi ách nô lệ đã để lại trong tư tưởng Hồ Chí Minh những ấn tượng sâu sắc, những nguyên nhân thành bại, nung nấu lòng căm thù và thôi thúc Người đi tìm đường cứu nước. Hồ Chí Minh không “Đông Du” theo lời khuyên của các bậc tiền bối mà chọn con đường “Tây Du” sang “mẫu quốc” và các nước đế quốc khác để “xem họ làm như thế nào để trở về giúp đồng bào”.

Ngày 05/6/1911 đã trở thành một dấu mốc đặc biệt quan trọng, không chỉ trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, mà còn đối với lịch sử của cả một dân tộc, Bác Hồ, lúc đó là người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, với tên mới là Văn Ba đã rời Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) ra đi với một hoài bão lớn, nung nấu một quyết tâm cháy bỏng đó là giành “tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”. Cuộc hành trình qua 3 đại dương, 4 châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ và gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố lớn, nhỏ, tiếp xúc với nhiều dân tộc, nhiều nền văn hóa đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản.

Hướng tới kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911-05/6/2021), Thư viện tỉnh Bắc Ninh biên soạn thư mục chuyên đề với chủ đề “**Hồ Chí Minh với hành trình thực hiện khát vọng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**” gồm 03 phần:

Phần I: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh: Hành trình cứu nước

Phần II: Vững bước trên con đường Người đã chọn

Phần III: Thư mục sách về Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và con đường cứu nước của Người

Nguồn thông tin trong Thư mục được lấy từ sách, báo và tạp chí hiện có trong Thư viện tỉnh và các website chính thống.

Trong quá trình biên soạn Thư mục không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong Quý bạn đọc lượng thứ.

THƯ VIỆN TỈNH BẮC NINH

PHẦN I: NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH HÀNH TRÌNH CỨU NƯỚC

Ngày 5/6/1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành - Văn Ba với lòng yêu nước nhiệt thành, tình thương dân vô hạn, nghị lực phi thường đã ra nước ngoài, bôn ba qua các châu lục, lao động, học tập, tham gia hoạt động cách mạng để tìm đường cứu nước cứu dân cho dân tộc Việt Nam. Sau 30 năm, ngày 28/1/1941, Người đã trở về quê hương.



Hành trình 30 năm tìm đường cứu nước CỦA BÁC HỒ

Ngày 5/6/1911



Bến cảng Nhà Rồng năm 1911

Từ Bến Nhà Rồng, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành rời Việt Nam lên đường sang Pháp với nghề phụ bếp trên tàu La Touche Tréville.

Từ 1911 - 1917

Người bôn ba qua nhiều nước thuộc các đại lục Âu, Á, Phi, Mỹ, đặc biệt là 3 nước đế quốc lớn nhất thời đó là Mỹ, Anh và Pháp. Qua đó, Người đã nhận thấy ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức, bóc lột dã man.



Bức tranh châm biếm của Nguyễn Ái Quốc

Cuối 1917 - 1923



Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội toàn quốc Đảng Xã hội Pháp tháng 12/1920

Từ Anh trở lại Pháp, hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước ở Paris; gia nhập Đảng Xã hội Pháp; gửi đến Hội nghị Vercxai Bản yêu sách của nhân dân An Nam, đòi thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam; Tham gia Đại hội I Đảng Cộng sản Pháp. Lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa; Tham gia Đại hội II (1922) của Đảng Cộng sản Pháp, được bầu làm Trưởng Tiểu ban phương Đông trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp; Ra báo Người cùng khổ, viết nhiều bài báo tố cáo tội ác của thực dân Pháp đăng trên các báo Nhân đạo, Đời sống thợ thuyền, Dân chúng...

Tháng 6/1923

Sang Liên Xô dự Đại hội Quốc tế nông dân và được bầu vào đoàn chủ tịch của Quốc tế nông dân. Sau đó học tại Trường Đại học Phương Đông - nơi đào tạo cán bộ cộng sản cho những nước phương Đông.



Nguyễn Ái Quốc cùng một số đại biểu dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V tại Liên Xô

Năm 1924: Tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản, Đại hội Quốc tế thanh niên, Quốc tế cứu tế đỏ, Quốc tế Công hội đỏ. Viết bài "Lênin và các dân tộc thuộc địa" đăng trên báo Pravda.

Thanh Niên

Cuối 1924



Về Quảng Châu - Trung Quốc.

Tháng 6/1925: Lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận (ra số đầu tiên ngày 21/6). Mở nhiều lớp huấn luyện chính trị cho những thanh niên Việt Nam yêu nước.

Từ 1928 - 1929

Sang Xiêm (Thái Lan), hoạt động với bí danh Thấu Chín.

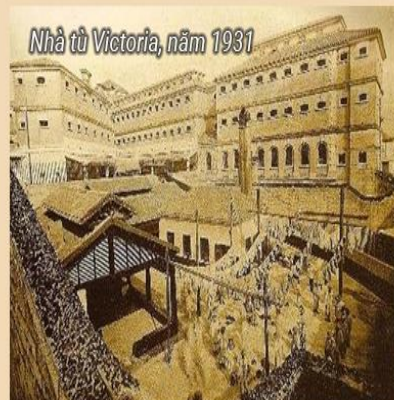
Tháng 2/1930

Chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.



Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1930

Tháng 6/1931 - 1933



Nhà tù Victoria, năm 1931

Hai lần bị thực dân Anh bắt giam ở Hong Kong. Thời gian này Người có tên là Tống Văn Sơ.

Đầu năm 1934

Trở lại Liên Xô. Học tại Trường Quốc tế Lênin, nghiên cứu ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Tháng 7/1935

Tham dự Đại hội VII - Quốc tế Cộng sản.

Tháng 10/1938

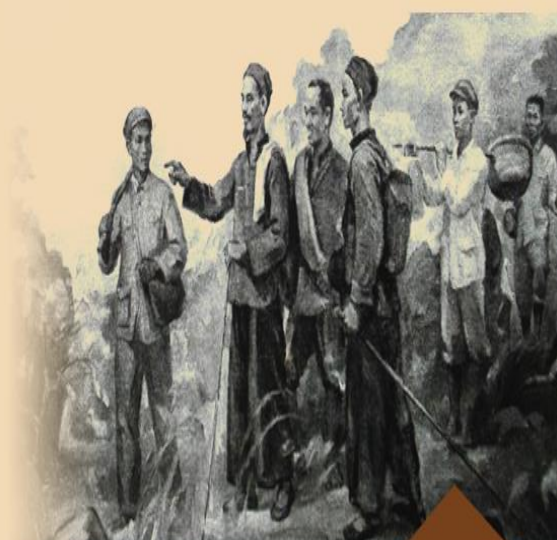
Rời Liên Xô về nước hoạt động.

Ngày 28/1/1941

Người về đến Pác Bó - Cao Bằng, sau 30 năm bốn ba nước ngoài.



Tấm thẻ cấp cho Bác Hồ khi tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII, khi ấy Bác có tên Lin.



NĂM THỨ 71
SỐ: 23960
THỨ BA
1
THÁNG 6-2021
21, Tháng Tư, Tân Sửu



Nhân Dân

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN VIỆT NAM

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

71 HÀNG TRỐNG - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: (024) 38254231, 38254232

FAX: (024) 38255593

ĐỊA CHỈ BÁO ĐIỆN TỬ: www.nhandan.vn

CHỈ SỐ: 12283 ISSN 0866-7977



THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 - 5/6/2021)

TÂM VÓC, Ý NGHĨA LỊCH SỬ SỰ KIẾN NGUYỄN TẮT THÀNH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

PGS, TS BÙI ĐÌNH PHONG

Khâm phục ý chí giành độc lập tự do của các sĩ phu, với một hoài bão cứu nước cứu dân mãnh liệt, bản lĩnh và sự mẫn cảm chính trị ở tuổi 21 của một tầm nhìn xa, không cầu viện, ỷ lại, không ngồi chờ người khác đến cứu mình, cách đây 110 năm, ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

Nhận ra sự bất lực và thất bại của hệ ý thức phong kiến và hệ ý thức tư sản, quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành cho thấy một tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc xác định hướng đi, cách đi, mục đích đi

và nơi đến. Anh tự quyết định con đường đi của mình, là “Tây du” mà không “Đông du”, đến tận ngọn nguồn của chủ nghĩa đế quốc Pháp, sang đất nước đang có những kẻ đến áp bức đồng bào mình, để khám phá các nền văn minh.

Trạc mười ba tuổi, khi còn trên ghế trường tiểu học Pháp - bản xứ, lần đầu tiên Nguyễn Tất Thành biết đến ba từ đẹp đẽ: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Nhưng ngay lúc bấy giờ, Anh đã có sự hoài nghi, vì trên thực tế, không thấy tự do, bình đẳng, bác ái, mà chỉ thấy sự áp bức, bóc lột, đồng bào đau khổ, chết chóc dưới gót giày, họng súng và lưỡi lê của bọn thực dân. Sự hoài nghi ở tuổi trẻ thích tìm tòi, khám phá đã mang lại nhiều điều bổ ích. Việc “muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy” là nguồn động lực mạnh mẽ thôi thúc Nguyễn Tất Thành phải ra nước ngoài, xem các nước làm thế nào, rồi trở về giúp đồng bào.

Hai sự kiện rất đáng được quan tâm ở thời khắc Nguyễn Tất Thành quyết định con đường đi của mình. Một là, tác giả Trần Dân Tiên cho biết Nguyễn Tất Thành nhận ra cách làm của Phan Châu Trinh là xin giặc rủ lòng thương; cách làm của Phan Bội Châu là “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”; cách làm của Hoàng Hoa Thám thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp, nhưng còn nặng cốt cách phong kiến. Trần Dân Tiên cũng cho biết cụ Phan Bội Châu muốn đưa Nguyễn Tất Thành và một số thanh niên sang Nhật, nhưng Nguyễn Tất Thành không đi. Anh thấy rõ và quyết định con đường nên đi. Hai là, như Hồ Chí Minh sau này đã trả lời một nhà văn Mỹ rằng “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi lúc này thường tự hỏi nhau rằng ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật. Người khác nghĩ là Anh. Có người khác nữa nghĩ là Mỹ. Tôi

thì thấy phải đi ra nước ngoài để xem cho rõ”.

Ý thức rõ ràng, dứt khoát ngay từ đầu về mục đích ra nước ngoài của mình đã giúp Nguyễn Tất Thành có cách đi và cách làm đặc biệt. Từng là một thầy giáo, con quan Phó bảng, nhưng Anh chọn nghề lao động chân tay để kiếm sống và học tập. Chúng ta có thể hiểu được rằng đây là một lựa chọn có chủ đích để có điều kiện hòa mình vào phong trào công nhân và các dân tộc bị áp bức; để hiểu được đằng sau những chữ Pháp tự do, bình đẳng, bác ái là gì; hiểu được hai từ “văn minh” mà như nhà báo Liên Xô Ôxíp Man đênxtam thuật lại thì Nguyễn Ái Quốc đã nói đến hai từ “văn minh” một cách đầy khinh bỉ. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc có được những bài báo sắc sảo như “Tâm địa thực dân”, “Phong trào cách mạng ở Ấn Độ”, “Hành hình kiểu Linxơ”, “Công cuộc khai hóa giết người”... Sau này, khi trả lời phỏng vấn của Tạp chí Thanh niên (Ca-na-đa) về việc làm và cảm tưởng của Người thời gian ở Mỹ, Người trả lời: “Tôi làm thuê trên tàu thủy để đi xem các nước và để sang Mỹ. Tôi có làm thuê ở Niu Oóc ít lâu. Lúc đó, cảm tưởng của tôi về Mỹ đại khái như sau: Nhân dân Mỹ rất thông minh... ở Mỹ có một số người rất giàu có, họ sống cực kỳ xa hoa như những người ở phố thứ 5 (Fifth Avenue). Và có rất đông người lao động rất cực khổ, nhất là người Mỹ da đen ở khu Héclem. Điều đó làm cho tôi nghĩ rằng: Pho tượng Thần Tự Do đứng ở cảng Niu Oóc tuy bên ngoài rất đồ sộ, cao to, nhưng bên trong thì rỗng tuếch!” (Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr.700).

Nguyễn Tất Thành là số ít trong các nhà lãnh đạo cách mạng các nước

thuộc địa lúc bấy giờ sớm phát hiện ra tầm vóc và ý nghĩa “vạch thời đại” của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lê-nin, Nguyễn Tất Thành thuộc dòng tinh thần của những nhân vật hiếm thấy đại diện cho tinh hoa thế giới, những con người mà ngay từ đầu đã kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính, khát vọng giải phóng đồng bào mình với đoàn kết và giải phóng các dân tộc thuộc địa. Vì vậy, sự gặp gỡ giữa tư tưởng của Người với tư tưởng của Lê-nin như là một cuộc “hẹn hò lịch sử”, cuộc gặp của hai trái tim yêu nước vĩ đại muốn giải phóng đồng bào mình, lại muốn giải phóng các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động toàn thế giới. Điều đó cắt nghĩa vì sao Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin làm cho Nguyễn Ái Quốc vui mừng, cảm động đến phát khóc lên, vì đó là cái cần thiết cho chúng ta, con đường giải phóng chúng ta: Giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Cuộc hành trình mười năm “tìm đường” (1911-1920) đã giúp Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc tìm thấy ánh sáng khoa học, chân lý cách mạng của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Theo Người, chỉ có chủ nghĩa Mác - Lê-nin là chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất. Đúc kết cuộc hành trình đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, vừa hoạt động thực tiễn, Người hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Như vậy, ngay từ năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vũ khí không gì thay thế được giúp đồng

bào ta thực hiện khát vọng giải phóng dân tộc.

Mười năm tiếp theo trong hành trình “mở đường” (1921-1930), Nguyễn Ái Quốc dồn trí lực đưa chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào phong trào cách mạng Việt Nam, chuẩn bị các yếu tố chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức để thành lập một đảng cộng sản ở Việt Nam. Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành sứ mệnh vẻ vang đó, thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự kiện Đảng ta ra đời đầu năm 1930 là một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng nước ta, chứng tỏ giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đảng ta ra đời cũng chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về giai cấp và đường lối lãnh đạo cách mạng kéo dài mấy chục năm. Từ đây, Đảng chủ trương tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nói ngắn gọn, đó là đường lối độc lập dân tộc đi tới và gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời gắn liền với tên tuổi và công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc.

Từ năm 1930, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thực hiện cuộc hành trình “dẫn đường” (1930-1945). Người cùng với Đảng ta lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống áp bức, bóc lột của thực dân - phong kiến; đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước cùng Đảng ta tổ chức Hội nghị Trung ương 8 (5-1941), quyết định “thay đổi chiến lược”. Theo sáng kiến của Người, Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) ra đời, một tổ chức mặt trận có tinh thần dân tộc rất cao, có một chương trình rõ rệt, đầy

đủ, thiết thực, hợp nguyện vọng các giới đồng bào, đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân. Do sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Đảng và sức đoàn kết hăng hái của toàn dân trong và ngoài Mặt trận Việt Minh, Cách mạng Tháng Tám đã thắng lợi. Hồ Chí Minh chỉ rõ lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

Như vậy, với cuộc hành trình “tìm đường”, “mở đường”, “dẫn đường” thực hiện khát vọng giải phóng và phát triển, Hồ Chí Minh đã cùng Đảng ta lãnh đạo toàn dân phá tan được chế độ quân chủ chuyên chế mấy nghìn năm, đánh đổ ách thống trị của hai đế quốc chủ nghĩa là Pháp và Nhật. Chúng ta đã lập nên một chính thể Dân chủ Cộng hòa. Đó là một thắng lợi xưa nay chưa từng có trong lịch sử nước ta. Nhân dân từ thân phận nô lệ bước lên địa vị làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Chúng ta làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền nam, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên

chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.

Đảng ta chỉ rõ, với những thắng lợi đã đạt được, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới. Sau 35 năm đổi mới, đến nay đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Đó chính là tầm vóc và ý nghĩa lịch sử của sự kiện Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững đất nước.



CƠ QUAN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KỶ NIỆM 110 NĂM NGÀY BÁC HỒ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC (5-6-1911 - 5-6-2021)

NHỮNG CÔNG HIẾN ĐỐI VỚI QUỐC TẾ CỘNG SẢN TRONG NHỮNG NĂM THÁNG TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

ĐẠI TÁ, PGS, TS. LƯU NGỌC KHẢI

Viện Khoa học xã hội và nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng

Cách đây 110 năm (1911 - 2021), người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra nước ngoài để thực hiện khát vọng đem lại quyền tự do cho đồng bào, cho dân tộc thoát khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân. Người là tấm gương mẫu mực của sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa cộng sản, sự gắn kết giữa lực lượng cách mạng trong nước với quốc tế, giữa phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc với phong trào

cộng sản và công nhân quốc tế. Sự nỗ lực cống hiến của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cho cách mạng thế giới trong những năm tìm đường cứu nước có tầm ảnh hưởng to lớn đến cuộc đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ vì nền độc lập, tự do của con người và các dân tộc thuộc địa.



Năm 1920, chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc (tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian hoạt động cách mạng ở Pháp) tham dự Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tours với tư cách đại biểu Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Ảnh: TTXVN

Những cống hiến vĩ đại cho quốc tế

Vào cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản thế giới chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, bộc lộ bản chất hiếu chiến, xâm lược thuộc địa và áp đặt ách thống trị thực dân ở khắp các nước Á, Phi, Mỹ Latin. Thế giới bị chia cắt với một bên là các nước tư bản, có nền công nghiệp phát triển và một bên là các nước thuộc địa và phụ thuộc, có nền kinh tế lạc hậu. Đến đầu thế kỷ XX, cuộc xung đột, tranh giành quyền lợi giữa các nước đế quốc đã dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), khiến các mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa đế quốc trở nên gay gắt. Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước đế quốc, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc bùng lên mạnh mẽ, điển hình là Trung Quốc, Ấn

Độ, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Afghanistan, Indonesia... và cách mạng phương Đông “thức tỉnh”. Vấn đề đặt ra cho các nước thuộc địa và phụ thuộc là cần phải tập hợp lực lượng, lựa chọn phương thức tiến hành cách mạng như thế nào để giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, chế độ phong kiến mà đại biểu là triều đình nhà Nguyễn đã cam chịu đầu hàng, làm tay sai và dâng giang sơn cho đế quốc, thực dân. Với truyền thống yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta đã liên tiếp nổ ra khắp các miền Bắc, Trung, Nam. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XIX đến những năm đầu của thế kỷ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam đều bị thất bại do sai lầm về đường lối, hạn chế về sức mạnh quân sự và khủng hoảng về con

đường giải phóng dân tộc. Trong bối cảnh đó, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã nhận thấy con đường do các thế hệ đi trước tiến hành sẽ không lật đổ được ách thống trị của thực dân, giải phóng được dân tộc, nên đã trăn trở tìm con đường cách mạng phù hợp với quy luật phát triển của thời đại lúc bấy giờ. Với hành trang hai bàn tay trắng, Người quyết tâm ra nước ngoài nghiên cứu thực tiễn cách mạng thế giới, tìm kiếm con đường, phương thức tiến hành cách mạng phù hợp để trở về nước lãnh đạo nhân dân đánh đuổi đế quốc, thực dân, giành độc lập, tự do cho dân tộc. Người muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác tiến hành cách mạng thế nào để trở về nước giúp đồng bào. Người khẳng định: “Dĩ nhiên là tôi sẽ trở về Tổ quốc tôi để đấu tranh cho sự nghiệp của chúng tôi. Ở bên chúng tôi có nhiều việc phải làm lắm”⁽¹⁾. Ngày 5-6-1911, trên con tàu Amiral Latouche Tréville, từ cảng Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành bắt đầu cuộc hành trình đến Singapore, Colombo... rồi đến thành phố Marseille của Pháp vào tháng 7-1911. Từ Marseille, theo một con tàu khác, Nguyễn Tất Thành đã có một cuộc hành trình rất dài đi vòng quanh châu Phi, đến những nước đế quốc lớn nhất thời đó là Mỹ, rồi đến nước Anh và đến cuối năm 1917, trở lại về Pháp. Người không có ý định sang Nhật, không tìm đến các nước châu Á mà nhất quyết sang nước Pháp - nước bản địa đang đô hộ dân tộc mình - với mong muốn tìm hiểu và hóa giải sự thật về khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” của cách mạng Pháp và đến tận châu Âu là cái nôi của các nước tư bản phát triển.

Trong thời gian ở *Pháp*, Người đã nhận thấy cần xây dựng, phát huy sức

mạnh của tổ chức, các lực lượng cách mạng quốc tế, gắn kết sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam với sự nghiệp giải phóng chung các dân tộc thuộc địa và người dân cần lao trên toàn thế giới thì mới giành được thắng lợi... Với khoảng thời gian 30 năm bôn ba ở nước ngoài (1911 - 1941), trong đó 6 năm ở Pháp (1917 - 1923), Người mang nhiều tên gọi khác nhau, sống bằng đủ nghề lao động, hòa mình vào thực tiễn của chế độ tư bản chủ nghĩa để thấu hiểu hơn về cuộc sống của những người dân lao động. Qua trải nghiệm thực tiễn, Người đã rút ra kết luận có giá trị lý luận và đánh giá thực chất sự phân hóa, mâu thuẫn vốn có trong xã hội tư bản. Ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác và những người lao động cũng bị bóc lột, áp bức nặng nề: “Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”⁽²⁾. Đây là nhận định mở ra định hướng quan trọng: muốn đấu tranh chống lại áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân ở các nước thuộc địa thì phải tổ chức, tập hợp, đoàn kết nhân dân ở mỗi nước với lực lượng cách mạng ở chính quốc và quốc tế thì mới tạo ra sức mạnh chống lại kẻ thù.

Với tư duy biện chứng và tầm nhìn rộng lớn nên khi trở lại Thủ đô Paris (Pháp) vào năm 1917, Người tích cực tham gia hoạt động ở các tổ chức như Đảng Xã hội Pháp, Hội những người Việt kiều yêu nước tại Pháp để lên án, vạch trần bản chất của đế quốc xâm lược, chỉ ra nỗi khổ cực của người dân nô lệ và tập hợp lực lượng cách mạng quốc tế... Ngày 18-6-1919, nhân danh là người Việt Nam yêu nước đưa ra yêu sách của nhân dân

An Nam cho Hội nghị Hòa bình, đòi Chính phủ Pháp thực hiện các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng của dân tộc mình, Người sử dụng tên gọi Nguyễn Ái Quốc. Ngày 25 đến ngày 30-12-1920, Người tham gia Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tours với tư cách là đại biểu duy nhất của Đông Dương, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp - một sự kiện chính trị, bước ngoặt vô cùng quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và con đường cách mạng Việt Nam. Trong bài phát biểu tại Đại hội, Người khéo léo lồng ghép nội dung kịch liệt tố cáo bọn đế quốc đã gây ra những tội ác tày trời đối với nhân dân Đông Dương, nêu rõ trách nhiệm của giai cấp công nhân Pháp đối với vận mệnh của các dân tộc thuộc địa.

Gia nhập Đảng Xã hội Pháp là cơ hội để Nguyễn Ái Quốc được tiếp xúc với những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Xã hội, có tầm ảnh hưởng to lớn nên đã để lại dấu ấn sâu sắc, thấm đượm tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân các nước thuộc địa với nhân dân ở các nước đế quốc và là bước tiến quan trọng để thực hiện hoài bão mà Người đã lựa chọn. Ngày 16 và 17-7-1920, Báo Nhân đạo của Đảng Xã hội Pháp đã đăng “Luận cương của V. I. Lê-nin về vấn đề dân tộc thuộc địa”. Đây là cẩm nang về vấn đề dân tộc thuộc địa, đã chỉ ra phương hướng, con đường giải phóng dân tộc, đó là chỉ có gắn với cách mạng vô sản và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa thì mới giải phóng được giai cấp, nhân dân lao động và đem lại nền độc lập dân tộc thực sự. Sau này, nhớ lại cảm xúc khi đọc bản Luận cương của V. I. Lê-nin, Người viết: “Luận cương của Lê-nin

làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!””(3).

Với nhãn quan chính trị nhạy bén và khả năng thuyết phục mạnh mẽ, năm 1921 tại Paris, Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số nhà cách mạng châu Phi, Mỹ Latinh thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa với tuyên ngôn “Đoàn kết, tổ chức nhân dân các nước thuộc địa đứng lên đấu tranh tự giải phóng”. Do sớm nhận rõ vai trò của báo chí nên ngày 19-1-1922, Nguyễn Ái Quốc cùng với Ban Thường vụ Hội Liên hiệp thuộc địa đã họp, quyết định thành lập cơ quan ngôn luận của Hội, lấy tên tờ báo là “Người cùng khổ” (Le Paria). Mặc dù trong điều kiện tài chính khó khăn, chính quyền Pháp ngăn cản, nhưng Nguyễn Ái Quốc đã có nhiều hoạt động sáng tạo để bảo đảm kinh phí và duy trì hoạt động của tờ báo. Với khoảng thời gian từ tháng 4-1922 đến tháng 6-1926, tờ báo “Người cùng khổ” phát hành được 38 số. Giá trị, tầm ảnh hưởng quốc tế to lớn của tờ báo “Người cùng khổ” gắn với tên tuổi và thể hiện trí tuệ, tài năng, nhạy bén chính trị, năng lực tổ chức của Nguyễn Ái Quốc. Sự ra đời của tờ báo đã làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu, là diễn đàn để Người và Hội Liên hiệp thuộc địa tuyên truyền, tập hợp nhân dân thuộc địa chĩa mũi nhọn, vạch trần và đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đoàn kết lực lượng cách mạng để giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Ở Đông Dương, bọn thực dân đưa ra quy định ai đọc tờ báo “Người cùng

khó” đều bị bắt. Có thể khẳng định rằng, thời gian hoạt động ở Pháp là dấu mốc quan trọng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, để lại hình ảnh đẹp về một người chiến sĩ cộng sản quốc tế nhiệt thành đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người; đồng thời, đã lựa chọn con đường cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn theo con đường cách mạng vô sản mà Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra. Uy tín, tầm ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc đối với quốc tế trong thời kỳ hoạt động ở Pháp ngày càng lớn, gây được sự chú ý của một nhà lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản tên là D. Manulisky. Ông đã tin tưởng giới thiệu và muốn đào tạo Người trở thành lãnh tụ cho cách mạng Đông Dương. Vì thế, Quốc tế Cộng sản cùng với Đảng Cộng sản Pháp tổ chức cho Nguyễn Ái Quốc đến nước Nga. Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc với tư cách là nhà cách mạng châu Á đã đến Liên Xô dự Đại hội lần thứ nhất Quốc tế Nông dân.

Ngày 30-6-1923, Người đến Liên Xô và bắt đầu một thời kỳ hoạt động, học tập và nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Đến quê hương của Cách mạng Tháng Mười Nga, của V. I. Lê-nin, là cơ hội để Người hoàn thiện các luận điểm quan trọng về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và trở thành lãnh tụ có ảnh hưởng lớn trong Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc đã dự Đại hội lần thứ nhất Quốc tế Nông dân, khai mạc ngày 10-10-1923 và đã có bài phát biểu quan trọng. Với uy tín cao nên Người được bầu và trở thành một trong số 11 ủy viên của Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân. Nguyễn Ái Quốc đã gia nhập nhanh chóng môi trường hoạt

động mới, tham dự một số đại hội là những sự kiện chính trị có tầm ảnh hưởng lớn, như: Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản và Đại hội lần thứ IV Quốc tế Cộng sản Thanh niên diễn ra vào tháng 6-1924; Đại hội lần thứ nhất Quốc tế cứu tế Đỏ vào tháng 7-1924; dự mít tinh kỷ niệm Ngày Quốc tế lao động 1-5 và dự mít tinh vì hòa bình thế giới ngày 6-7-1924 tại Quảng trường Đỏ. Tại Đại hội lần thứ V, Người được cử làm cán bộ Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản, được giao nhiệm vụ theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở một số nước châu Á...



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với một số đại biểu dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản tại Nga, năm 1924. Ảnh: TTXVN

Khoảng thời gian 14 tháng hoạt động ở Liên Xô tuy không nhiều (từ tháng 6-1923 đến tháng 11-1924) nhưng là bước ngoặt quan trọng của Nguyễn Ái Quốc trong hành trình tìm đường cứu nước và có những cống hiến to lớn đối với Quốc tế Cộng sản. Người đã gây dựng mối quan hệ với những người cộng sản thế giới, thông qua hoạt động trong tổ chức Quốc tế Cộng sản và khi tham gia khóa học tại trường Đại học Cộng sản của những người lao động phương Đông (gọi tắt là Trường Đại học Phương Đông). Người có nhiều bài viết trên các báo, tạp chí, tranh thủ cơ hội tối đa trên các diễn đàn để gây sự chú ý và kêu gọi những người cộng sản ở nước chính quốc

ủng hộ phong trào giải phóng của các nước thuộc địa.

Thời kỳ hoạt động ở *Trung Quốc*, Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ mối liên hệ với Quốc tế Cộng sản, gặp gỡ các nhà lão thành cách mạng Việt Nam, tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông, sáng lập tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và cử hội viên về nước vận động và đưa thanh niên sang Quảng Châu đào tạo. Kết quả là đến năm 1927, Người đã mở được ba khóa với 10 lớp, huấn luyện 75 hội viên làm lực lượng cốt cán cho việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Người lập ra Báo Thanh niên làm cơ quan phát ngôn để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước. Người trực tiếp giảng bài để truyền đạt cho các thanh niên, những trí thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, thực tiễn của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, vận dụng làm rõ con đường cách mạng của phương Đông vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Bài giảng của Người đã được Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông tập hợp thành cuốn sách “Đường Kách mệnh”, xuất bản năm 1927 và trở thành cẩm nang cho những người cộng sản, chỉ dẫn những kiến thức cơ bản về cách mạng, về yêu cầu bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm nòng cốt để tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc...

Khắc ghi bước ngoặt lịch sử cho cách mạng Việt Nam



*Đất nước phát triển mạnh mẽ sau 35 năm đổi mới
(Trong ảnh: Bến Nhà Rồng, Thành phố Hồ Chí Minh hôm nay - từ đây năm xưa Người đã ra đi tìm đường cứu nước) _Ảnh: Zing.vn*

Những năm tháng bôn ba tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là khoảng thời gian có nhiều cống hiến quan trọng, có giá trị tạo ra bước ngoặt cho cách mạng Việt Nam, sự nghiệp giải phóng của các dân tộc thuộc địa và cho sự nghiệp cách mạng chung của thế giới. Người luôn trung thành, vận dụng sáng tạo lý luận, nguyên lý, quy luật cách mạng chung, trong đó có quy luật thành lập đảng cộng sản của chủ nghĩa Mác - Lênin, vào việc xây dựng, thành lập chính đảng đặc thù ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến là Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngoài việc sáng lập, rèn luyện Đảng ta, trong những chặng đường tiếp theo, Người luôn giải quyết tốt các mối quan hệ chính trị, như: Giữa sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản với việc lựa chọn con đường, mục tiêu, nhiệm vụ, lực lượng và phương thức tiến hành cách mạng ở Việt Nam; giữa sự nghiệp cách mạng chung của thế giới với sự nghiệp cách mạng riêng của Việt Nam...

Trong suốt chặng đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Người đã lựa chọn đúng con đường cứu nước, tổ chức và cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân ta tiến

hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, đánh dấu mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc, độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi vẻ vang đó chứng minh rằng, một đảng cộng sản còn non trẻ ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, có đường lối lãnh đạo đúng đắn, có lãnh tụ thiên tài và biết phát huy sức mạnh thời đại với sức mạnh dân tộc thì tất yếu chiến thắng để quốc thực dân lớn. Cách mạng Việt Nam là thắng lợi điển hình trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là cơ sở vững chắc bảo đảm vững chắc nền độc lập, tự do của dân tộc. Sự cống hiến vĩ đại của Người đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới là gương cao ngời cờ đấu tranh giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, mở ra một thời đại mới mang tên “Thời đại Hồ Chí Minh”.

Khoảng thời gian ra nước ngoài tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là mốc son chói lọi,

mang tính bước ngoặt trong sự nghiệp cách mạng của Người, của dân tộc Việt Nam và của nhân loại tiến bộ. Thời gian càng lùi xa, càng cho chúng ta thấy sự vĩ đại của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, kiên định với mục tiêu đã lựa chọn, cả cuộc đời phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Những cống hiến vĩ đại của Người đối với cách mạng Việt Nam và quốc tế trong thời kỳ bốn ba ra nước ngoài, mà đặc biệt là thời gian ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, là những trang sử hào hùng, để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam, cũng như cách mạng thế giới. Nhân loại tiến bộ mãi ghi nhớ sự cống hiến vĩ đại của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, như nhà báo, nhà văn Cuba Luis Francisco Báez Hernández (1936 - 2015) đã từng viết: “Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật phi thường của thời đại”./.

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 467, 287
(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 562



Kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911 / 5-6-2021)

NHỮNG HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Thiếu tướng, PGS, TS NGUYỄN VĂN THỂ
Nguyên Phó giám đốc Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Trên hành trình tìm đường cứu nước, cùng với những hoạt động thực tiễn phong phú, Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này), đã chủ động, độc lập, tích cực học tập và nghiên cứu lý luận.

Hoạt động học tập lý luận của Người tập trung chủ yếu từ khi đến Anh (năm 1913). Qua những tài liệu đã được công bố cho thấy, trong thời gian sống ở Anh, Nguyễn Tất Thành vừa lao động, vừa tự học tập không ngừng nghỉ. Cùng với vốn tiếng Anh học được, “những năm tháng sống ở nước Anh, Nguyễn Tất Thành đã tích lũy thêm được vốn hiểu biết về chính trị của xã hội tư sản, về đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa chính quốc và thuộc địa của một nước tư bản chủ nghĩa sớm phát triển”(1).

Tác giả John Callow trong bài viết của mình, suy đoán rằng: “Có thể chính trong thời gian ở Luân Đôn, lần đầu tiên Hồ Chí Minh đã đọc các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen. Các tác phẩm này được Twentieth Century Press-cơ quan xuất bản của Đảng Dân chủ xã hội Anh, đặt trụ sở tại tòa nhà Clerkenwell Grenn ở Luân Đôn-xuất bản thành những cuốn sách giá rẻ. Ngày nay, tòa nhà này trở thành Thư viện tưởng niệm C.Mác và có một bức chân dung của Hồ Chí Minh được treo ở hành lang bên ngoài căn phòng nơi V.I.Lênin từng ngồi làm việc vào những năm 1902-1903. Tấm chân dung ấy của Hồ Chí Minh là bằng chứng về mối liên hệ giữa nhà xuất bản và vị khách nổi tiếng của mình”(2).



Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội Tours của Đảng Xã hội Pháp, tháng 12-1920. Ảnh tư liệu/congan.com.vn

Những tri thức lý luận tiếp thu được trong quá trình bôn ba qua nhiều nước và thời gian ở Anh, cho phép Nguyễn Tất Thành có những nhận thức đúng đắn để phân tích tình hình thế giới lúc bấy giờ. Người thanh niên yêu nước ấy đã có những nhận định chính xác về Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở cả châu Âu và châu Á khi viết thư gửi Phan Chu Trinh: “Cháu bỗng nhớ cách đây vài tháng, cháu đã nói với Bác về cơn giông sắp động. Số mệnh sẽ còn dành cho chúng ta nhiều bất ngờ và không thể nói trước được ai sẽ thắng. Các nước trung lập còn đang lưỡng lự và các nước tham chiến không thể đoán biết được ý đồ của họ. Tình hình diễn ra là ai thù mũi vào thì chỉ có thể đứng về phe của địch thủ bên này hoặc địch thủ bên kia. Người Nhật Bản hình như có ý định nhúng tay vào. Cháu nghĩ trong ba hoặc bốn tháng tình hình châu Á sẽ có chuyển biến và sẽ có nhiều chuyển biến”(3).

Hoạt động lý luận của Nguyễn Ái Quốc có sự phát triển rõ rệt khi Người trở lại Pháp vào khoảng cuối năm 1917 và gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Trong thời gian này, bằng vốn hiểu biết của mình, Người không chỉ đơn thuần học tập lý

luận mà đã tích cực, chủ động viết báo, tham gia các buổi diễn thuyết ở Paris. Trong thời gian sống ở Pháp, tri thức lý luận của Nguyễn Ái Quốc ngày càng được mở rộng. Người hiểu hơn về cuộc chiến tranh thế giới lúc bấy giờ, hiểu được nỗi đau khổ của nhân dân chính quốc và thuộc địa khi phải hy sinh xương máu trên chiến trường vì lợi ích của bọn cá mập tư sản thực dân. Cùng với việc trau dồi vốn tiếng Pháp, Người đã tích cực tới thư viện để nghiên cứu những vấn đề mà mình quan tâm. Ở đây, Người được đọc trực tiếp các tác phẩm của các nhà tư tưởng tiến bộ Pháp cũng như phương Tây, nhất là thời kỳ khai sáng, cận đại.

Bên cạnh đó, Người chủ động tìm đọc các tác phẩm văn học của Shakespeare, Dickens, Huygo, Zola, Anatole France... Nhận thấy vốn kiến thức chính trị của mình còn có những hạn chế nhất định, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực tham gia các cuộc thảo luận với rất nhiều chủ đề, hình thức khác nhau. Tác giả Trần Dân Tiên đã kể lại: “Trong những buổi hội họp nói chuyện ở Paris, người ta thảo luận đến tất cả các vấn đề. Từ thiên văn, địa lý, chính trị, văn học cho đến cách trồng cải soong và nuôi ốc sên. Trong những buổi họp này có tất cả các hạng người: Bác học, cựu bộ trưởng, nghị viên, nhà văn, thợ thuyền, người đi buôn, người già và người trẻ. Ở đây có một không khí thân mật và dân chủ, giống như ở những câu lạc bộ Giacobanh (Jacobins) thời Đại cách mệnh Pháp. Ở đây người ta có thể học nhiều chuyện và nhận xét mọi người. Thật là bổ ích”(4). Thông qua đó để vừa học hỏi, nắm bắt thêm tình hình, thấy được bầu không khí cách mạng, vừa bày tỏ cho mọi người

biết về tội ác của thực dân Pháp ở những nơi mà Người được chứng kiến, cũng như tình cảnh dân tộc của mình. Với những hoạt động trên, tư duy lý luận của Nguyễn Ái Quốc ngày càng phát triển, nhận thức các vấn đề chính trị, cách mạng ngày càng sâu sắc hơn.

Cùng với việc học tập lý luận, Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu tiến hành tổng kết những kinh nghiệm, hiểu biết đã tích lũy trong thời gian trước đó, nhất là về vấn đề chủ nghĩa thực dân và vấn đề thuộc địa. Điều này được thể hiện rõ qua nhiều bài báo mà Người đã viết: “Tâm địa thực dân”, “Vấn đề dân bản xứ”, “Đông Dương và Triều Tiên”, “Thư gửi ông Utorây”, “Chính sách thuộc địa”... Qua đó đã thể hiện cái nhìn sâu sắc của Nguyễn Ái Quốc về nhiều vấn đề của cách mạng, mặc dù chưa nghiên cứu sâu về Chủ nghĩa Mác-Lênin. Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy, thời đại mới chính là “thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết”(5), “Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường”(6). Tuy nhiên, thực dân Pháp lại duy trì một nền bạo chính ở các thuộc địa của mình. Điều đó khiến nó tạo ra một sự đối nghịch sâu sắc giữa người bản xứ và bọn thực dân, cả về tâm lý, hành chính, pháp lý, về kinh tế và văn hóa: “Người Âu hưởng mọi tự do và nự trị như người chủ tuyệt đối; còn người bản xứ thì bị bịt mõm và bị buộc dây dắt đi, chỉ có quyền phải phục tùng, không được kêu ca”(7).

Với sự từng trải và những ngày tháng miệt mài nghiên cứu, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy: “Từ lâu, chủ nghĩa tư bản phương Tây như con rắn nhiều đầu,

thấy châu Âu là nơi quá chật hẹp để bóc lột và máu của vô sản châu Âu không đủ dồi dào để thỏa mãn thêm khát, nó bèn vươn những cái vòi khủng khiếp của nó tới khắp nơi của quả đất. Bọn tư bản Anh, Đức hoặc Pháp, tất cả đều tương xứng nhau”(8). Và vì vậy, nếu không có những vệ tinh thì chủ nghĩa tư bản không thể tồn tại. Cho nên “Ngày nay không còn là lúc phải đặt vấn đề Đảng có cần hay không cần một chính sách thuộc địa, bởi ngày nay không thể có sự tách biệt giữa thuộc địa và chính quốc, giữa vô sản ở nơi này và vô sản ở nơi kia”(9).

Một hoạt động lý luận rất quan trọng của Nguyễn Ái Quốc là soạn thảo (nội dung ý kiến do Người đề ra, luật sư Phan Văn Trường viết), sau đó thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Versailles bản "Yêu sách của nhân dân An Nam". Nó như một đúc kết mong muốn trước mắt của những người yêu nước Việt Nam lúc bấy giờ. Mặc dù không được chấp nhận nhưng nó như là một tuyên bố chính trị của nhân dân Việt Nam trước thế giới, mở đầu cho việc đòi những quyền dân tộc cơ bản, đồng thời phơi bày bản chất, dã tâm lừa bịp của bọn thực dân, đế quốc với nhân dân các thuộc địa, mở ra một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc. Qua hoạt động này, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy sự cần thiết phải thay đổi trong cách tiếp cận, trong hành động để giải phóng dân tộc: “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”(10). Vì vậy, không thể tin những lời tuyên bố tự do đầy đường mật của các nhà chính trị tư bản trong chiến tranh mà cần phải tìm kiếm một lý luận, một phương pháp khác.

Những hoạt động tổng kết thực tiễn này có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc có cái nhìn toàn diện về chủ nghĩa thực dân, về tình cảnh, vị trí, vai trò của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. Vào năm 1920, Người đã chuẩn bị tư liệu và viết một quyển sách về tình hình Đông Dương với nhan đề "Những người bị áp bức". Tuy nhiên, nó đã không ra mắt độc giả vì bản thảo bị mất (nhưng đây cũng là cơ sở để sau này Người viết tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp"), như một sự đánh giá tổng kết về chủ nghĩa thực dân và các dân tộc thuộc địa. Trên cơ sở đó đi đến khẳng định: “Thế giới sẽ chỉ có nền hòa bình cuối cùng khi tất cả các dân tộc tự mình thỏa thuận với nhau cùng tiêu diệt con quái vật đế quốc chủ nghĩa ở khắp mọi nơi mà họ gặp nó”(11).

Từ khi biết được về Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, cùng với đó là việc thành lập Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã để tâm nghiên cứu và có những hiểu biết nhất định về những vấn đề cách mạng. Điều đó được thể hiện qua việc trao đổi với các đồng chí của mình trong Đảng Xã hội Pháp và với nhiều người Việt Nam yêu nước đang ở Paris, cũng như trong diễn thuyết. Vào ngày 11-2-1920, Người đã trình bày đề tài Chủ nghĩa bôn-sê-vích ở châu Á tại Hội nghị những người thanh niên cộng sản quận 2, đồng thời còn trình bày cả vấn đề ruộng đất công ở Trung Quốc và Việt Nam. Cùng với hoạt động thực tiễn, những hoạt động lý luận để tìm đường giải phóng dân tộc là một nhân tố rất quan trọng dẫn Nguyễn Ái Quốc đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin. Việc đọc "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của

V.I.Lênin, đăng trên Báo Nhân đạo (L'Humannite, số ra ngày 16 và 17-7-1920), cộng với những trải nghiệm của mình, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy câu trả lời cho con đường giành độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào mình sau bao nhiêu năm tìm kiếm- con đường cách mạng vô sản.

Những hoạt động lý luận của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn tìm đường cứu nước không chỉ có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc Người tìm thấy con đường cứu nước mà còn định hình cho những hoạt động lý luận sau này của Hồ Chí Minh. Những hoạt động lý luận của Người trong giai đoạn sau chính là sự phát triển, hoàn thiện những nội dung, phương thức hoạt động lý luận của giai đoạn trước đó. Điều này cũng có sức gợi mở rất lớn để vận dụng phương pháp,

cách thức của Người nhằm nâng cao chất lượng trong tiến hành các hoạt động lý luận hiện nay.

(1) Song Thành (Chủ biên), Hồ Chí Minh Tiểu sử, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 2010, tr. 65.

(2) John Callow, “Tiếng sấm mùa xuân”: Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác và nghệ thuật thực tiễn, Kỷ yếu hội thảo khoa học kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị-Hành chính, 2010, tr.260.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, tập 1, tr.4.

(4) Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.53-54.

(5), (6), (7), (8), (9) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, tập 1, tr.10, tr.14, tr.11, tr.31, tr.33

(10) Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.43.

(11) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, tập 1, tr.17.



NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ HÀNH TRÌNH TIẾP THU TƯ TƯỞNG, VĂN HÓA PHƯƠNG TÂY

VŨ KIM YẾN

(Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch)

Tháng 6-1911, người thanh niên xứ Nghệ Nguyễn Tất Thành đã rời cảng Sài Gòn ra đi quyết chí tìm cho được con đường giải phóng dân tộc. Người đã có quyết định sáng tạo đầu tiên là không “Đông du” theo con đường và lời mời của các bậc cha chú mà “Tây du” theo sự mách bảo của trí tuệ, một tư duy khoa học kết hợp với khát vọng, hoài bão giải phóng đồng bào.

Tầm nhìn xa trông rộng, sáng tạo và bản lĩnh của Nguyễn Tất Thành

Từ đó trở đi, quyết tâm lớn nhất của Người là phải bằng mọi cách để thực hiện được mục đích đó của mình. Người

làm việc như một người lao động thực sự; viết đơn xin học Trường Thuộc địa với ý định đã có từ lúc trạc 13 tuổi là “muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau

những chữ ấy”(1). Ý định này bộc lộ một tầm nhìn xa trông rộng, sáng tạo và bản lĩnh của Người trong việc khám phá, khai thác văn minh nhân loại, khoa học công nghệ của thế giới tư bản, của những nước có kẻ đi xâm lược đồng bào mình để phục vụ cho đồng bào mình.

Một thanh niên yêu nước tham gia cuộc đấu tranh quyết liệt chống thực dân phương Tây xâm lược, ngay từ đầu lại hướng tới phương Tây để làm quen với văn minh, văn hóa phương Tây quả là một điều kỳ lạ, riêng có. Sau này, như Người đã chỉ rõ: “*Khổng Tử, Giêxu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn "mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội"*” (2). Nguyễn Tất Thành “Tây du” với đầu óc rộng mở, tấm lòng rộng mở và với tinh thần khoan dung văn hóa, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Gần một phần ba thế kỷ bôn ba nước ngoài, chủ yếu là ở Pháp, Nga và một số nước châu Âu, Người đã tiếp thu nền văn hóa châu Âu thế kỷ XVIII-XIX, trong đó có nhiều tư tưởng tiến bộ. Đáng kể trước nhất phải kể đến thời kỳ Người sống và hoạt động ở Pháp (1917-1923), thời kỳ đã để lại những dấu ấn sâu đậm và rất quan trọng đối với cuộc đời cách mạng của Người và đối với cách mạng Việt Nam.



Từ ngày 25 đến 30-12-1920, chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc (tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian hoạt động cách mạng ở Pháp) tham dự Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tours với tư cách đại biểu Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc ủng hộ Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa; tán thành việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, và cũng là người Cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Ảnh: Tư liệu/TTXVN

6 năm Nguyễn Ái Quốc tự học, tự nghiên cứu một cách cần mẫn tại các thư viện ở Pháp

Paris, thủ đô của nước Pháp cũng đồng thời là trung tâm văn hóa - nghệ thuật của châu Âu. Các trào lưu triết học và các trường phái nghệ thuật nổi tiếng thế giới phần lớn đều được hình thành và ra mắt tại đây. Sống ở giữa nơi hợp lưu của các dòng văn hóa thế giới, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện thuận lợi để nhanh chóng chiếm lĩnh vốn tri thức của thời đại, đặc biệt là truyền thống văn hóa dân chủ và tiến bộ của nước Pháp. Người thường chỉ làm việc vào buổi sáng để kiếm tiền sinh sống, còn buổi chiều Người dành để đi đến thư viện hoặc đến dự những buổi nói chuyện chính trị, buổi tối thì đi mít-tinh. Có thể nói 6 năm ở Pháp là 6 năm Nguyễn Ái Quốc tự học, tự nghiên cứu một cách cần mẫn tại các thư viện. Người ham đọc Voltaire, Rousseau và cũng đọc nhiều tác phẩm tác phẩm văn học của Shakespeare, Dickens, Huygo, Zola, Anatole France... Người còn gia nhập các hội như Hội “Nghệ

thuật và khoa học” và Hội “Những người bạn của nghệ thuật”. Những hội này mỗi tuần tổ chức các cuộc đi thăm viện bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, nhà hát,... và sẽ có những nhà chuyên môn giải thích các vấn đề, lĩnh vực này. Do đó, Người có thêm những khả năng nhất định trong việc viết văn, làm thơ, tiểu thuyết, viết kịch, diễn kịch, chụp ảnh và vẽ tranh... Người vào cả Hội “Du lịch” và nhờ vậy mà đi thăm được nhiều nơi ở Pháp, Ý, Thụy Sĩ, Đức và cả Toà thánh Va-ti-căng. Đến nước nào, Người cũng để ý tìm hiểu xem ở những nước ấy người ta sống thế nào, tổ chức hành chính và quản lý xã hội ra sao?

Nguyễn Ái Quốc còn thường xuyên tham gia các buổi sinh hoạt ở Câu lạc bộ Faubourg (Câu lạc bộ ngoại ô). Dự những buổi sinh hoạt này, có nhiều người thuộc đủ các thành phần, xu hướng chính trị như: Bác học, cựu bộ trưởng, nghị viên, nhà thơ, thợ thuyền, người đi buôn, người già và người trẻ. Chính ở đây Nguyễn Ái Quốc đã làm quen với những nhân vật nổi danh như chính trị gia Léon Blum (sau này là Thủ tướng Pháp), nhà văn Vaillant Couturier, giáo sư Marcel Cachin, nghị viên Mac Saugnier, nữ văn hào Colette... Ở đây có một không khí thân mật và dân chủ, giống như ở các câu lạc bộ Jacobin thời Đại cách mạng Pháp. Người ta thảo luận về mọi vấn đề, từ thiên văn, địa lý, chính trị, văn học cho đến cách trồng cải xoong và nuôi ốc sên, cả những vấn đề thô miên, bản năng, siêu hình, phụ đồng, mộng mị, về sự chết, thuyết luân hồi... Hầu hết trong những buổi mít tinh này, Nguyễn Ái Quốc đều phát biểu ý kiến và khi phát biểu Người thường khéo lái những vấn đề đang thảo luận sang vấn đề thuộc địa, đặc biệt là

vấn đề Việt Nam. Nhận xét về những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong Câu lạc bộ, ông Léo Poldès - Chủ nhiệm Câu lạc bộ, đã viết: "Chỉ là người thợ ảnh giản dị ở ngõ hẻm Côngpoanh, ông đã từng tham dự với chúng tôi trong những cuộc thảo luận náo nhiệt. Ngay những người cừu địch với ông không ai không thán phục trí thông minh, tài năng và lòng thành thực của ông" (3).



Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc tới Moskva (Nga) để tham gia các hoạt động của Quốc tế Cộng sản. Người sống và làm việc từ cuối năm 1923 đến đầu năm 1924 tại khách sạn Lux - số 10 phố Tverskaya. Khách sạn Lux lúc này là nơi được dành riêng cho cán bộ, lãnh tụ giai cấp công nhân từ khắp nơi đến với Quốc tế Cộng sản.

Ảnh: Tư liệu/TTXVN.

Đặc biệt, hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã học được nhiều ở những đảng viên xã hội và cộng sản Pháp. Người kết giao với Jacques Duclos (lãnh đạo Đảng Cộng sản và là nghị sĩ có uy tín của Quốc hội Pháp), Jean Longuet (nhà báo, nghị sĩ Quốc hội Pháp, cháu ngoại của K.Marx)... Họ đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin. Cùng với Longuet, Monmousseau (nhà báo, nhà hoạt động công đoàn nổi tiếng) đã giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc học tiếng Pháp và viết báo; sau này có cả nhà văn nổi tiếng thế giới Henri Barbusse không ngừng động viên, giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc dũng cảm bước tiếp trên con đường của nhà báo cách mạng.

Cứ như vậy, Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc với nền văn hóa phương Tây và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nó. Đặc biệt, Người đánh giá cao những thành tựu to lớn mà cách mạng tư sản đem lại cho nhân loại trên con đường của tự do dân chủ và văn hóa. Người quan tâm tìm hiểu những khẩu hiệu nổi tiếng đó trong các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, Pháp, Mỹ. Người đã có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng năm 1776. Người đánh giá đây là cuộc cách mạng không triệt để và khẳng định không đi theo hình mẫu của cách mạng đó. Nghiên cứu cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Người rút ra 5 bài học mà cách mạng Pháp dạy cho chúng ta: Dân chúng công nông là gốc cách mệnh; Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công; Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều; Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại; Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh. Người đã kế thừa, phát triển những quan điểm nhân quyền, dân quyền trong Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ, Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của Pháp và đề xuất quan điểm về quyền mưu

cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc trong thời đại ngày nay.

Lê nin đã từng nói: *“Chỉ những người cách mạng chân chính mới thu hái được những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”*. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại một cách có chọn lọc rồi vận dụng tinh hoa đó một cách sát hợp vào những điều kiện cụ thể của đất nước, của dân tộc vì mục đích không chỉ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc mình mà còn góp phần tích cực nhất vào sự nghiệp của các dân tộc khác trên thế giới. Nhờ cách tiếp thu sáng tạo những di sản này để mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc và loài người và với nhiều cống hiến khác trong giáo dục nghệ thuật, giao lưu quốc tế và giữ gìn bản sắc dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được UNESCO tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá kiệt xuất.

(1) *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, H.2011, t.1, tr.461

(2) *Hồ Chí Minh Truyện* (Bản dịch Trung văn của Trương Niêm Thức. Bát Nguyệt xuất bản xã Thượng Hải xuất bản, 1949). Dẫn theo Phan Văn Các. *Nho giáo xưa và nay*. Nxb Khoa học xã hội, H.1991

(3) *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử* (xuất bản lần thứ ba, có chỉnh sửa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, tập 1, H.2016, tr.118



NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG, XÂY DỰNG TƯ TƯỞNG MÁC-XÍT Ở VIỆT NAM

Thiếu tướng, PGS, TS NGUYỄN BÁ DƯƠNG
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương,
Trưởng nhóm Chuyên gia 35 Quân ủy Trung ương

Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh là nhà yêu nước Việt Nam đầu tiên đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin và cũng là người Việt Nam đầu tiên trở thành người cộng sản chân chính, đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành thành viên của Quốc tế Cộng sản.

Cùng với việc truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân quốc tế và phong trào đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh là người có công đầu tiên truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, gieo “hạt giống cộng sản” và trực tiếp chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Nghị lực phi thường, tìm đường cứu nước

Ngay sau khi đội quân xâm lược Pháp đặt chân lên đất nước Việt Nam, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên chống quân xâm lược. Các phong trào yêu nước, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta liên tiếp nổ ra, song đều thất bại, bị chìm trong biển máu, đau thương, căm hận ngút trời. Đến những năm đầu thế kỷ 20, nước ta đã lâm vào tình cảnh khủng hoảng đường lối chính trị rất nghiêm trọng, phong trào đấu tranh chống thực dân, phong kiến của nhân dân ta đi vào ngõ cụt, bế tắc.

Sống trong cảnh nước mất, nhà tan, lại tận mắt chứng kiến cảnh đau thương, sự mất mát, thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ 20, người thanh niên Nguyễn Tất Thành tuy rất khâm phục các bậc tiền bối, song đã quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới. Trải qua nhiều gian nan, cực nhọc, phải bôn ba, làm nhiều nghề để kiếm sống, tự bảo vệ mình, có lúc tưởng chừng như khó vượt qua khó khăn, thách thức, nhưng bằng ý chí và nghị lực phi thường, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành trước sau như một, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng và lẽ sống đã chọn,

quyết tâm tìm cho được con đường cứu nước, cứu dân. Năm 1920, Người đã đọc luận cương của V.I.Lenin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đăng trên Báo L’Humanité (Nhân đạo). Bản luận cương là lời giải đáp đầy đủ, sâu sắc và thuyết phục nhất đối với Người về những câu hỏi, những điều thắc mắc mà bấy lâu trăm trở, tìm tòi, khát vọng tìm kiếm. Người viết: “Luận cương của V.I.Lenin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”⁽¹⁾.

Đọc luận cương của V.I.Lenin, tham gia hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản. Đây là kết quả tất yếu khách quan của nhiều năm bôn ba tìm kiếm, phát hiện chân lý và sự tỉnh táo cảm nhận; nó hoàn toàn không phải là sự tình cờ, ngẫu nhiên, sự may mắn như ai đó đã nói, đã viết. Tin tưởng và đi theo Chủ nghĩa Mác-Lênin và lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại là bước nhảy vọt về chất trong nhận thức của Người, là một sự kiện đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chính trị và nhân văn sâu sắc, quyết định tầm nhìn, quan điểm, lập trường; sự lựa chọn con đường cứu nước, cứu dân của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam. Đây là sự hội tụ, kết tinh ý chí, khát vọng và

ting thần của cả một dân tộc; phản ánh tâm nguyện của nhiều bậc tiền bối, các chí sĩ, sĩ phu yêu nước đương thời mong mỗi nhưng chưa có điều kiện thực hiện.



*Ngày 5-6-1911, từ Bến Nhà Rồng (ảnh), Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc, bắt đầu cuộc hành trình tìm con đường giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước.
Nguồn: Tư liệu/TTXVN.*

Có thể nói rằng, thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận Mác-Lênin đã giúp Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá, phân tích, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng thế giới và tìm ra con đường giải phóng dân tộc Việt Nam; chứa đựng tư tưởng nhân văn sâu sắc, phản ánh sinh động triết lý nhân sinh về lẽ sống, mục tiêu tìm đường cứu nước, giải phóng cho “đồng bào tôi” kể từ ngày Người rời Bến cảng Nhà Rồng-Sài Gòn (5-6-1911) ra đi tìm đường cứu nước.

Người truyền bá tư tưởng mác-xít ở Việt Nam

Chủ nghĩa Mác-Lênin chính là nguồn gốc lý luận quyết định bước phát triển mới về chất tư tưởng Hồ Chí Minh. Nếu không có Chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh cũng chỉ là một nhà yêu nước như bao nhà yêu nước khác ở Việt Nam đầu thế kỷ 20: Chung một khát vọng giải phóng dân tộc để giành lấy tự do, độc lập. Nếu không đọc luận cương của V.I.Lenin, chưa trở thành người cộng sản chân chính thì quan điểm, tư tưởng cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh chưa thể tạo ra bước ngoặt cách mạng, không có điều kiện để truyền

bá Chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và do đó, Người không thể đặt nền móng cho tư tưởng mác-xít đậm chồi, nảy lộc, đơm hoa kết trái trên quê hương mình. Chính Chủ nghĩa Mác-Lênin đã trang bị cho Hồ Chí Minh thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng để Người tìm ra con đường cứu nước mới, đưa Người vượt lên phía trước, khắc phục căn bản sự khủng hoảng về chính trị và sự bế tắc về đường lối giải phóng dân tộc, “gieo mầm cộng sản” ở Việt Nam vào đầu thế kỷ 20.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng giúp Người tổng kết lịch sử và kinh nghiệm thực tiễn, chọn lọc những gì là tinh túy nhất, cần thiết nhất để truyền bá vào Việt Nam; khơi nguồn, đắp móng cho tư tưởng cách mạng phát triển ở Việt Nam đầu thế kỷ 20; khắc phục quan điểm duy tâm, tôn giáo, phương pháp tư duy siêu hình thống trị xã hội Việt Nam thời đó.

Người Việt Nam tiếp thu Chủ nghĩa Mác-Lênin, làm theo phương pháp luận mác-xít, đúng như Hồ Chí Minh căn dặn: Nắm lấy cái tinh thần biện chứng pháp, tức là thu nạp được cái bản chất “cốt lõi”, “linh hồn sống” của nó là phép biện chứng duy vật, vận dụng nó một cách sáng tạo vào cuộc sống để tìm ra những chủ trương đúng, giải pháp hay, biện pháp phù hợp để thực hiện mục đích cách mạng, chứ không phải học tập, tiếp thu Chủ nghĩa Mác-Lênin để thành lập trường phái này, môn phái kia và dựng lên các vấn đề tư tưởng viển vông để bàn luận vô bổ.

Sự phát triển tư tưởng mác-xít ở Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 là kết quả tất yếu của quá trình xâm nhập và thẩm thấu

Chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam gắn liền với công lao to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc; nhờ đó mà tư tưởng yêu nước gắn liền với tư tưởng quốc tế vô sản. Mục tiêu cứu nước, cứu dân ở Việt Nam đầu thế kỷ 20 của các sĩ phu yêu nước được “lột xác”, đã trút bỏ “bộ quần áo thầy tu” khô hạn của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo, đi vào thực tiễn cách mạng sinh động; Chủ nghĩa Mác-Lênin đóng vai trò là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, soi sáng con đường đấu tranh cách mạng cho quần chúng nhân dân, giúp họ thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc. Có thể khẳng định rằng, sự xâm nhập và lan tỏa mạnh mẽ của Chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ 20 là nhân tố đóng vai trò quyết định sự hình thành và phát triển hệ tư tưởng của giai cấp vô sản ở nước ta.

Công lao to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh trong việc đặt nền móng, xây dựng nền tảng tư tưởng mác-xít ở Việt Nam còn thể hiện ở chỗ, Người đã gắn những nguyên lý phổ biến của Chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh hoa tư tưởng, văn hóa của dân tộc Việt Nam và tư tưởng, văn hóa phương Đông; biến nó thành đạo lý, triết lý nhân sinh chỉ đạo hành động, lẽ sống của mọi người. Rõ ràng, với việc trang bị thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng của Chủ nghĩa Mác-Lênin cho đội ngũ cán bộ cốt cán ở Việt Nam vào đầu thế kỷ 20, Hồ Chí Minh đã giúp họ vượt qua biên giới của nước mình, hòa nhập vào cách mạng thế giới, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam-đảng mác-xít kiểu mới, đội tiên phong của giai cấp công nhân, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức, là tổ chức cao

nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Việc truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam trong những năm 1920, 1930 và ảnh hưởng của nó đến sự hình thành, phát triển tư tưởng mác-xít thời kỳ này chủ yếu là xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng. Tinh thần “biện chứng pháp” đã thể hiện sâu sắc trong các văn kiện, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng. Các văn kiện thành lập Đảng như Chính cương vắn tắt của Đảng, Điều lệ tóm tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và các nghị quyết của Đảng ta soạn thảo từ năm 1930 đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thể hiện tinh thần sống động của Chủ nghĩa Mác-Lênin, thấm nhuần sâu sắc giá trị khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Có thể khẳng định rằng, việc truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định sự ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam và sự phát triển của phong trào cách mạng ở Việt Nam vào đầu thế kỷ 20, góp phần giúp Đảng, Nhà nước và nhân dân ta hiểu biết đầy đủ, sâu sắc hơn Chủ nghĩa Mác-Lênin, những giá trị trường tồn của nó: Quan niệm duy vật về lịch sử; học thuyết giá trị thặng dư; phép biện chứng duy vật và giá trị nhân văn, nhân đạo sâu sắc.

Cũng như trước đây và hiện nay, Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam giúp Đảng ta nghiên cứu, tổng kết, giải đáp những vấn đề thời sự nóng hổi do thực tiễn cách mạng Việt Nam đặt ra, cung cấp các luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước hoạch định chủ

trương, đường lối, chính sách, thực hiện sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới.

Đó cũng là điều giải thích tại sao chúng ta phải ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là cơ sở lý luận-thực tiễn sinh động để chúng ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận, chống các quan điểm sai trái, thù

địch; bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới, góp phần làm cho Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

(1) "Hồ Chí Minh toàn tập", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2011, tập 12, tr.562



CƠ QUAN CỦA TRUNG ƯƠNG HỘI - TIẾNG NÓI CỦA CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM



Thời sự
Chính trị

Cựu chiến binh

Doanh nhân CCB

Chính sách

Sức khỏe

Văn hóa

Pháp luật

Thông tin
liệt sĩ

HÀNH TRÌNH TRỞ THÀNH NGƯỜI ĐẢNG VIÊN CỘNG SẢN CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

GS, TS PHẠM HỒNG TUNG

Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội



Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội Tours của Đảng Xã hội Pháp, tháng 12-1920. Ảnh tư liệu/TTXVN

Ngày 29-12-1920, cùng với đa số tuyệt đối đại biểu tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp tại TP Tours, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế thứ III (Quốc tế Cộng sản do V.I.Lenin thành lập từ tháng 3-1919).

Ngay sau đó, thiểu số cánh hữu của Đảng Xã hội Pháp đã rời phòng họp, đa số đại biểu còn ở lại liền quyết định thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những đảng viên sáng lập đảng. Sự kiện này đánh dấu sự ra đời của Đảng

Cộng sản Pháp, đồng thời cũng chính thức ghi nhận việc Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên-một dấu mốc lớn nhất, quan trọng nhất trên hành trình tìm đường cứu nước của Người.

Hành trình từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến chủ nghĩa cộng sản của Nguyễn Ái Quốc có thể nói được khởi đầu từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911) cho đến khi Người bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ III (29-12-1920). Hai phương diện chính của hành trình đến với chủ nghĩa cộng sản của Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc:

1. Hoạt động thực tiễn: Dẫn thân tích cực vào hoạt động thực tiễn là một đặc điểm cơ bản, nổi bật nhất của toàn bộ quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc. Vừa lao động kiếm sống bằng chính sức lực của mình, vừa tìm hiểu, đúc rút kinh nghiệm, rồi vận dụng kinh nghiệm làm cho thực tiễn biến đổi-đó là cách thức hoạt động thực tiễn của Người ngay từ khi rời Bến cảng Nhà Rồng năm 1911 cho đến khi trở thành người đảng viên cộng sản. Ở đây, chúng tôi chỉ tập trung khảo cứu về hoạt động thực tiễn của Người ở Paris từ cuối năm 1917 đến cuối năm 1920, trên 3 loại hình hoạt động chính: Lao động kiếm sống; tham gia các hoạt động xã hội-chính trị ở Pháp; tham gia hoạt động trong phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam.

Về công việc lao động kiếm sống của Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc trong thời gian từ cuối năm 1917 đến cuối năm 1920, theo như chính Người cho biết thì: “Tôi đi làm thuê ở Pari, khi thì làm cho một cửa hàng phóng đại ảnh, khi thì vẽ “đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa”

(do một xưởng của người Pháp làm ra)”. Thông tin này là hoàn toàn chính xác, được những nguồn tài liệu độc lập khác như báo cáo của những viên mật thám theo dõi Nguyễn Ái Quốc hồi đó xác nhận. Cuộc sống lao động chân tay vất vả đã trở nên quen thuộc với Người từ khi quyết định ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng, bằng nghề phụ bếp trên con tàu Amiral Latouche-Tréville. Mấy điểm cần nhấn mạnh ở đây là: Với cuộc sống lao động vất vả đó, Nguyễn Ái Quốc đã tự giác “vô sản hóa”, thực sự trải nghiệm cuộc đời lao động của giới cần lao. Thứ hai, mục đích tham gia lao động của Người không chỉ là kiếm sống, trang trải cho những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của bản thân mà còn nhằm kiếm tiền phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu và tuyên truyền cách mạng.

Loại hình hoạt động thực tiễn thứ hai mà Nguyễn Ái Quốc dẫn thân tham gia rất tích cực là các hoạt động chính trị-xã hội ở châu Âu, nước Pháp, đặc biệt là ở Paris. Đây là một sự khác biệt rất lớn, rất căn bản giữa Người và tuyệt đại đa số những người Việt Nam ở Pháp khi đó. Ngay khi vừa đến Paris, Nguyễn Ái Quốc đã tìm đến và tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ, như đã nói ở trên-đang xuất hiện ngày càng nhiều ở Paris. Một trong những câu lạc bộ chính trị mà chàng trai trẻ Nguyễn Tất Thành tham gia đầu tiên, ngay khi vừa “chân ướt chân ráo” đến Paris là Club du Faubourg, một câu lạc bộ của Đảng Xã hội Pháp do Léo Poldès thành lập, ở ngay gần đồi Montmartre-nơi Người tìm được chỗ tạm trú trong một khách sạn nhỏ, bình dị. Léo Poldès đặc biệt ấn tượng với đôi mắt rực sáng của chàng trai trẻ và tinh thần ham học hỏi của anh. Ông nhận ra đằng sau vẻ

ngoài rất lịch thiệp, nhã nhặn, có vẻ rụt rè của anh là nghị lực phi thường. Chính nhờ tham gia tích cực trong các câu lạc bộ cấp tiến và các cuộc hội họp của Đảng Xã hội Pháp mà Nguyễn Tất Thành đã gặp và kết bạn thân thiết với những nhà hoạt động nổi tiếng, những văn sĩ lừng danh như: Paul Louis, Jacques Doriot và Henri Barbusse.

Với tinh thần cầu thị, ham học hỏi, lại luôn luôn gắn chặt việc tìm hiểu lý luận với việc tổng kết, đối chiếu với kinh nghiệm thực tiễn đã đúc rút được trong thời gian bốn ba khắp các châu lục, nhận thức của Nguyễn Ái Quốc trưởng thành rất nhanh chóng. Người cũng tham gia tích cực vào các hoạt động của Tổng Liên đoàn Lao động và Liên đoàn Quyền dân sự Pháp (Ligue des Droits de l'Homme)... Thông qua hoạt động thực tiễn, Người còn học hỏi được rất nhiều điều bổ ích từ cách thức tổ chức một chính đảng từ cấp cơ sở (chi bộ) cho tới cấp trung ương; kỹ năng tranh biện, diễn thuyết chính trị. Từ một người rụt rè, hồi hộp, lắp bắp trình bày ý nghĩ còn rời rạc của mình trong những buổi sinh hoạt câu lạc bộ hồi cuối năm 1917, đến giữa năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một nhà hùng biện thực sự.

Cuối năm 1919, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu khởi thảo cuốn sách đầu tiên của mình bằng tiếng Pháp với tiêu đề “Les Opprimés” (Những người bị áp bức). Đến khoảng giữa tháng 3-1920, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành về cơ bản công trình đầu tay của mình. Người cũng lao động quên mình để dành dụm được khoảng 300 francs cho việc xuất bản cuốn sách. Nhưng một đêm, Người trở về nhà sau một ngày dài lao động cực nhọc, bản thảo công trình đã biến mất. Kẻ đã đánh cắp

tập bản thảo không thể là ai khác ngoài những viên mật thám đang bám sát Người từng ngày.

Loại hình hoạt động thực tiễn thứ ba mà Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc dần thân hoạt động chính là trong phong trào yêu nước Việt Nam. Linh hồn của hầu như toàn bộ phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam sinh sống ở Pháp, nhất là ngay tại Paris, chính là Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường. Đến Paris, Nguyễn Tất Thành được Phan Châu Trinh che chở, giúp đỡ, vừa tạo điều kiện về nơi làm việc và chỗ ở, vừa giới thiệu anh với các nhóm đồng bào yêu nước ở Pháp.

Khoảng đầu mùa hè năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đưa ra sáng kiến thành lập Hội những người An Nam yêu nước (Association des Patriotes Annamites) thay thế cho Hội đồng bào thân ái do Phan Châu Trinh thành lập trước đó với mục đích để đoàn kết rộng rãi hơn nữa đồng bào ta ở Pháp và Paris. Ngay lập tức sáng kiến này được cụ Phan Châu Trinh và mọi người ủng hộ. Nguyễn Tất Thành đã trở thành nhân vật tích cực nhất của tổ chức này.

Ngay khi Hội những người An Nam yêu nước thành lập cũng là lúc không khí chính trị ở Pháp và toàn thế giới trở nên nóng bỏng với những tin tức về hội nghị hòa bình Versailles. Nguyễn Tất Thành nêu ra đề nghị: Hội cần phải gửi một bản kiến nghị đến hội nghị Versailles giống như nhân dân nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc khác đang làm. Đề nghị của Người được đồng bào nhiệt liệt ủng hộ. Với sự giúp sức của luật sư Phan Văn Trường, Người đã soạn thảo xong bản kiến nghị 8 điểm “Revendications du peuple Anamites”,

ký tên Nguyễn Ái Quốc, rồi tự mình đem đến cung điện Versailles trao tận tay đại diện của các cường quốc vào ngày 18-6-1919. Với việc đưa bản kiến nghị 8 điểm đến hội nghị hòa bình Versailles, đặc biệt là với việc làm cho tinh thần của bản kiến nghị đó lan tỏa mạnh mẽ ở cả Pháp và Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần rất quan trọng thúc đẩy, giải thoát phong trào yêu nước Việt Nam thoát khỏi tình thế bế tắc, khủng hoảng.

Như vậy, thông qua dân thân hoạt động thực tiễn, chỉ trong vòng gần 3 năm, Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc đã có những bước trưởng thành vượt bậc, từ một chiến sĩ yêu nước đơn thuần, ít kinh nghiệm hoạt động chính trị, đã trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp theo lập trường xã hội chủ nghĩa, làm chủ những kỹ năng tổ chức, thuyết trình, viết sách, báo chính luận và soạn tài liệu tuyên truyền; từ một thanh niên yêu nước không tên tuổi, luôn tỏ ra nhút nhát thành một lãnh tụ trẻ kiên cường, tự tin, dũng cảm của phong trào yêu nước Việt Nam. Đây là những điều kiện, những tiền đề quan trọng nhất để Người trở thành một đảng viên cộng sản vào cuối năm 1920.

2. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tours và trở thành đảng viên đảng cộng sản: Tương tự như hầu hết các đảng xã hội chủ nghĩa khác ở các nước tư bản phát triển sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, dưới tác động của thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, Đảng Xã hội Pháp-một trong những chính đảng lớn, có lịch sử lâu đời nhất ở Pháp-lại một lần nữa bị phân liệt sâu sắc. Cánh tả của đảng ngày càng lớn mạnh, ủng hộ V.I.Lenin và con đường cách mạng vô sản của Cách mạng Tháng Mười Nga, trong khi phái hữu thì kiên trì với đường

lối chính trị ôn hòa của Quốc tế thứ II. Trong nội bộ đảng, từ các chi bộ cho tới cấp trung ương diễn ra quá trình đấu tranh chính trị gay gắt kéo dài: Rời bỏ hay không rời bỏ Quốc tế thứ II? Ủng hộ hay không ủng hộ Lenin và con đường Cách mạng Tháng Mười Nga? Có gia nhập Quốc tế thứ III hay không?...

Tháng 12-1920, Đảng Xã hội Pháp quyết định tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII ở thành phố Tours để giải quyết dứt khoát các vấn đề nói trên. Cuộc đại hội khai mạc sáng 25-12-1920, tại một trường dạy đua ngựa gần nhà thờ Saint Julian nằm trên bờ phía nam con sông Loire. Tham dự đại hội có 285 đại biểu đại diện cho hơn 178.000 đảng viên. Nguyễn Ái Quốc là đại biểu của nhóm các đảng viên Đảng Xã hội Pháp ở Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại đại hội 12 phút và hoàn toàn “nói vo”. Nguyễn Ái Quốc kết thúc lời phát biểu của mình với lời kêu gọi: “Nhân danh nhân loại, nhân danh tất cả những người xã hội chủ nghĩa, tả cũng như hữu, tôi kêu gọi tất cả các quý vị, các đồng chí, hãy cứu chúng tôi với!”.

Ngày 27-12-1920, Marcel Cachin đưa vấn đề ủng hộ và gia nhập Quốc tế thứ III (Quốc tế Cộng sản) để đại hội thảo luận biểu quyết. Nguyễn Ái Quốc lại phát biểu, ủng hộ Quốc tế thứ III. Để đi tới quyết định cuối cùng, đại hội quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín. Việc này diễn ra vào sáng 29-12-1920. Kết quả là hơn 70% đại biểu ủng hộ đề nghị của Marcel Cachin về việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế thứ III. Nguyễn Ái Quốc là một trong số những người đó, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và là một trong những thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Con đường đến với Chủ nghĩa Mác-Lênin, trở thành một đảng viên, một lãnh tụ của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế của Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc trong khoảng thời gian từ cuối năm 1917 đến cuối năm 1920 là một hành trình phức tạp, đầy thú

vị. Việc bỏ phiếu ủng hộ Quốc tế thứ III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp là dấu mốc quan trọng, chính thức của hành trình Người đi từ chủ nghĩa yêu nước chân chính, trải qua lập trường dân chủ tư sản cấp tiến, tới lập trường xã hội chủ nghĩa cánh tả và tiến tới lập trường cộng sản chủ nghĩa.



BÁC HỒ TRANH THỦ SỰ ỦNG HỘ CỦA QUỐC TẾ ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NGUYỄN VINH QUANG

*Cố vấn cao cấp Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và Phát triển quan hệ quốc tế,
nguyên Vụ trưởng, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng*

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của Việt Nam là cuộc cách mạng vĩ đại của thế kỷ 20. Thắng lợi của dân tộc Việt Nam không thể tách rời sự ủng hộ to lớn và hiệu quả của bạn bè trên thế giới. Nhịp cầu quan trọng nhất kết nối giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, với phong trào cộng sản công nhân quốc tế, với nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới chính là Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh.

Người đã gắn kết sự nghiệp cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, kết hợp một cách tài tình sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Bởi vậy, Người đã tranh thủ được sự ủng hộ của bạn bè quốc tế dưới nhiều hình thức phong phú và hiệu quả.

1. **Nắm rõ tình hình quốc tế, tìm đến sự đồng cảm của nhân dân thế giới**

Năm 1911, khi rời đất nước ra đi, chàng trai Nguyễn Tất Thành chỉ mới biết được nỗi khổ của người dân Việt Nam, biết được sự bất công trong một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nhưng chưa biết thế giới bên ngoài đang tồn tại như thế nào. Anh phải đến thẳng nước Pháp, nước Anh, vào trong sào huyệt của chủ nghĩa thực dân để tìm hiểu và so sánh với thực tiễn xã hội Việt Nam. Anh đã nhận thức đối tượng của cách mạng thế giới là chủ nghĩa thực dân đế quốc nói

chung, không phân biệt màu da. Vì ở bất cứ đâu, chủ nghĩa đế quốc cũng tàn bạo, bất công và độc ác. Nhân dân lao động ở các nước thuộc địa hay phụ thuộc và ngay cả ở các chính quốc đều bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, bóc lột. Họ là lực lượng cơ bản của cách mạng thế giới. Từ nhận thức trên, Người rút ra kết luận: “Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: Giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật thôi: Tình hữu ái vô sản”⁽¹⁾. Chính “tình hữu ái vô sản” mà Người phát hiện ra đó đã

được Người và nhiều nhà cách mạng vô sản khác trên thế giới làm sống dậy, mang đến sức mạnh cho phong trào cách mạng các nước, trong đó có Việt Nam sau này.

Nhiều bài báo, nhiều buổi diễn thuyết của Người tại các cuộc biểu tình hay các diễn đàn quốc tế đã chuyển đến những người cùng cảnh ngộ trên thế giới về nỗi thống khổ và tình cảm của những người Việt Nam đang bị áp bức, và ngược lại, giành được sự đồng cảm của đông đảo nhân dân tiến bộ trên thế giới. Trong kháng chiến, dù coi Pháp, Mỹ là kẻ thù, là đối tượng của cuộc kháng chiến, Người vẫn luôn nhắc nhở nhân dân ta phân biệt rõ ràng đế quốc thực dân xâm lược với nhân dân lao động, coi nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ như là đồng minh tự nhiên, không chút hận thù và còn đặt lòng tin vào sự thức tỉnh lương tri của họ.

Giữa năm 1964, Người đã tuyên bố rõ quan điểm của Việt Nam về nước Mỹ: “Chúng tôi phân biệt nhân dân Mỹ với đế quốc Mỹ”; “Chúng tôi muốn có những quan hệ hữu nghị và anh em với nhân dân Mỹ mà chúng tôi rất kính trọng”⁽²⁾. Người tin rằng mỗi khi “lương tâm người Mỹ nổi giận” sẽ góp phần thay đổi cục diện cuộc chiến tranh: “Nhân dân Mỹ đánh từ trong đánh ra, nhân dân ta đánh từ ngoài vào. Hai bên giáp công mạnh mẽ, thì đế quốc Mỹ nhất định sẽ thua, nhân dân Việt-Mỹ nhất định sẽ thắng”⁽³⁾.

Đối với các quốc gia đồng minh, bè bạn gần gũi, không những Người đã thúc đẩy sự ủng hộ và hợp tác của chính quyền mà còn tranh thủ được tình cảm trong lòng dân. Là một người từng công tác tại Trung Quốc gần chục năm, một

trong những điều tôi cảm nhận sâu sắc nhất là người dân Trung Quốc có thể có những quan điểm khác nhau về đất nước, con người Việt Nam, nhưng hình ảnh Bác Hồ trong lòng họ gần như không khác nhau. Trên đất nước Trung Quốc rộng lớn hiện có khoảng hơn 70 di tích liên quan đến Chủ tịch Hồ Chí Minh và rất nhiều trong số đó không chỉ được Trung Quốc bảo tồn, giữ gìn nguyên vẹn mà từng ngày, từng giờ được giới thiệu với đông đảo công chúng, khách tham quan trong nước và quốc tế về những giá trị lịch sử-văn hóa mang dấu ấn Hồ Chí Minh.



*Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp, ủng hộ Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
Ảnh: hochiminh.vn.*

2. Tranh thủ sự ủng hộ của các chính khách, các quốc gia có thực lực và các tổ chức quốc tế

Trước tiên phải nói đến bản “Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam” mà Người đã thay mặt những người Việt Nam yêu nước, ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Versailles tháng 6-1919. Người biết rằng đây là cuộc gặp giữa nguyên thủ các đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, là những nhân vật có thế lực, có tiếng nói quyết định đối với trật tự thế giới. Đặc biệt trong đó có Tổng thống Mỹ, bảy giờ

là Woodrow Wilson, người trước đó vừa công bố chương trình 14 điểm, trong đó đáng quan tâm là điểm thứ 5: “Điều chỉnh một cách tự do, công bằng quyền yêu sách của các thuộc địa, đặt mối quan tâm tới quyền lợi của những người dân bị tác động ngang hàng với lợi ích của các chính phủ liên quan tới yêu sách”. Người trực tiếp gặp Tổng thống Wilson để đưa đơn thỉnh nguyện và hy vọng đây là cơ hội cho nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân các quốc gia thuộc địa. Tuy bản yêu sách không được chấp nhận nhưng đã được lan truyền rộng rãi, gây tiếng vang lớn trong dư luận nước Pháp, thức tỉnh tinh thần đấu tranh của các nước thuộc địa.

Sau khi giành chính quyền, Người vẫn luôn quan tâm đến việc tranh thủ các nhân vật quyền lực của các cường quốc, kể cả các quốc gia phía bên kia chiến tuyến. Vô số ví dụ về những yêu cầu đầy tính thuyết phục của Người. Những năm 1945-1946, Người đã nhiều lần gửi thư cho Tổng thống Mỹ, với lời lẽ ngoại giao, hoan nghênh tuyên bố của Tổng thống Mỹ, nhất là những điểm liên quan trực tiếp tới quyền độc lập của các dân tộc “nhược tiểu”, đồng thời yêu cầu nước Mỹ thực hiện tuyên bố đó.

Tháng 10-1945, chính quyền của Tổng thống Truman ra tuyên bố chính sách đối ngoại 12 điểm của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong đó nêu rõ Mỹ sẽ “không phản đối và cũng không giúp Pháp tái lập sự kiểm soát ở Đông Dương”. Nhận thức rõ vai trò to lớn của Mỹ ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương lúc bấy giờ, Người coi đây là cơ hội để tiếp cận với Mỹ nhằm khai thác những điểm tích cực trong tuyên bố đó. Ngày 12-10-1945, với tư cách người đứng đầu

Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Người đã gửi cho Tổng thống Mỹ Truman bức thư bày tỏ sự hoan nghênh đối với chính sách đối ngoại của Mỹ nhằm tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ và các nước cho nền độc lập của dân tộc Việt Nam. Bức thư đến Văn phòng Tổng thống Mỹ ngày 2-11-1945. Cùng ngày, tại Hà Nội, trong cuộc gặp gỡ các nhà báo nước ngoài, trả lời những câu hỏi về quan điểm của Chính phủ Việt Nam đối với chính sách đối ngoại của Mỹ, Người nêu rõ, nhân dân Việt Nam hoan nghênh, ủng hộ tuyên bố 12 điểm của Tổng thống Truman và tin tưởng rằng nước Mỹ sẽ sớm thực hiện chúng.

Cũng trong thời gian này, Người đã có công hàm gửi Chính phủ các nước: Trung Quốc, Mỹ, Liên Xô và Vương quốc Anh, đề nghị ngăn chặn việc quân đội Pháp xâm lược miền Nam Việt Nam, đưa vấn đề Đông Dương ra Liên hợp quốc, trao trả độc lập cho các nước Đông Dương.

3. Muốn người khác giúp đỡ, mình phải có sức mạnh bên trong

Đó là quan điểm nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã chỉ ra rằng: “Độc lập của Việt Nam luôn luôn nhờ ở nơi lực lượng của Việt Nam”; “Muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp mình đã”. Trong khi định ra đường lối quốc tế và sách lược tập hợp lực lượng bên ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn luôn nhấn mạnh nhân tố bên trong, coi nhân tố bên trong là nhân tố quyết định. Người nhắc nhở: “Ta có mạnh thì họ mới “đếm xỉa đến”. Ta yếu thì ta chỉ là một khí cụ trong tay kẻ khác, dầu kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy”⁽⁴⁾.

Vào thời điểm ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người đã nêu ra chủ trương đoàn kết, tranh thủ sự ủng hộ đồng tình của quốc tế: Cần phải “dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ”. Rõ ràng, đối tượng đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chống Mỹ rất rộng rãi, nhưng Người vẫn luôn nhấn mạnh dựa vào sức mình là chính. Sức hậu thuẫn thế giới thường được tăng cường và phát triển tỷ lệ thuận với những thắng lợi của nhân dân ta là một minh chứng quan điểm mở rộng đoàn kết quốc tế trên cơ sở tự lập, tự cường của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Sử dụng nghệ thuật “ngoại giao tâm công” để thu phục lòng người

“Ngoại giao tâm công” là một trong những đặc trưng nổi bật của ngoại giao truyền thống Việt Nam, được Bác Hồ kế thừa và phát triển một cách hết sức khéo léo, hiệu quả. “Ngoại giao tâm công” dựa trên cơ sở chủ nghĩa nhân văn, tìm ra những điểm tương đồng để thức tỉnh và khích lệ sự ủng hộ quốc tế, phân biệt rõ bạn-thù, phân biệt dân tộc với kẻ phản động trong Chính phủ để cô lập kẻ thù gây chiến nhằm tập hợp lực lượng rộng rãi trên thế giới. “Ngoại giao tâm công” vừa được sử dụng đối với kẻ thù, vừa được sử dụng với bạn bè. Người rất thành công trong nghệ thuật ngoại giao này là nhờ sự am hiểu sâu rộng đặc tính văn hóa của các dân tộc trên thế giới và tìm thấy những điểm tương đồng trong quan niệm giá trị giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác. Trong quan hệ với Pháp, Người khơi dậy lòng tự hào của

nhân dân Pháp để nhân dân Pháp phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Chính người Pháp đã thừa nhận: Hồ Chí Minh đã đánh chìm chủ nghĩa thực dân Pháp mà vẫn giữ được tình hữu nghị với nhân dân Pháp.

Trong thư gửi tướng Leclerc- người được cử sang điều tra tình hình Việt Nam đầu năm 1947, Người viết: “Ngài là một đại quan nhân và một nhà ái quốc... Một nhà ái quốc trọng những người ái quốc khác. Một người yêu quê hương mình, trọng quê hương kẻ khác... Giá thử ngài đánh được chúng tôi đi chăng nữa-đấy là một điều viển vông, vì nếu ngài mạnh về vật chất thì chúng tôi đây, mạnh về tinh thần, với một ý chí cương quyết chiến đấu cho tự do của chúng tôi-thì những thắng lợi tạm thời kia chẳng những không tăng thêm mà lại còn làm tổn hại đến uy danh quân nhân và tư cách ái quốc của ngài”⁽⁵⁾.

Với nhân dân Mỹ, trong “Điện gửi các bạn người Mỹ nhân dịp năm mới 1968”, Người nêu rõ: “Các bạn đều biết, không hề có người Việt Nam nào đến khuấy rối ở nước Mỹ. Vậy mà có nửa triệu quân Mỹ đến miền Nam Việt Nam, cùng với hơn 70 vạn quân nguy và quân chư hầu, hằng ngày bắn giết người Việt Nam, đốt phá thành phố và xóm làng Việt Nam... Hàng chục vạn thanh niên Mỹ phải chết và bị thương vô ích trên chiến trường Việt Nam. Chính phủ Mỹ xài phí về chiến tranh ở Việt Nam mỗi năm hàng chục tỷ đô-la tiền mồ hôi, nước mắt của nhân dân Mỹ... Các bạn ra sức đấu tranh đòi Chính phủ Mỹ phải chấm dứt xâm lược Việt Nam, vừa bảo vệ chính nghĩa, vừa ủng hộ chúng tôi”⁽⁶⁾.

Những lời nói đó đã chạm vào trái tim của những con người lương thiện,

yêu chuộng hòa bình, biến lương tri của họ thành sức mạnh chống chiến tranh, ủng hộ chính nghĩa của Việt Nam.

Đội ngũ cán bộ ngoại giao trong thời đại Hồ Chí Minh cần tiếp tục nghiên cứu tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta để kế thừa và phát triển, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, bảo vệ lợi ích chính đáng của Việt Nam trong thời đại mới.

- (1) "Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề dân tộc và con người" (Phạm Hồng Chương)
- (2) Trả lời phỏng vấn nhà báo Burchett, ngày 25-4-1964 (Báo Nhân Dân, ngày 25-4-1964)
- (3) "Chủ tịch Hồ Chí Minh-trí tuệ lớn của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại" (Nguyễn Phúc Luân)
- (4) "Chủ tịch Hồ Chí Minh-trí tuệ lớn của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại" (Nguyễn Phúc Luân)
- (5) "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 5, tr.5
- (6) Báo Nhân Dân, ngày 31-12-1967



KỶ NIỆM 110 NĂM NGÀY BÁC HỒ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC (5/6/1911 - 5/6/2021)

CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG HỒ CHÍ MINH

ĐỘC LẬP, TỰ CƯỜNG VÀ SÁNG TẠO

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

(Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Với ý chí, hoài bão lớn lao và tư duy mới, ngày 5-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, tức lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đã rời đất nước ra nước ngoài (phương Tây) đi tìm con đường cứu nước phù hợp, đúng đắn “xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”.

Người đi tìm một con đường đúng đắn chứ không đi cầu ngoại viện. Điều đó đã thể hiện ý chí tự lực, tự cường và một khát vọng lớn, tầm nhìn thời đại. Sau khi đi qua nhiều nước, tại Pa-ri, đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp (thành viên của Quốc tế II), tìm hiểu về cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga. Ngày 18-6-1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, với tên gọi mới Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách 8 điểm tới Hội nghị Versailles (Vécxây) đòi những quyền dân tộc tự quyết. Sự kiện đó như phát pháo hiệu trên bầu trời đen tối của Việt Nam và Đông Dương,

thức tỉnh cả dân tộc về quyền sống của mình. Ý chí tự lực, tự cường và khát vọng về quyền sống chân chính của dân tộc mình được bồi đắp trong tư tưởng và sự nghiệp đấu tranh của Nguyễn Ái Quốc và lan tỏa trong mọi người Việt Nam yêu nước.

Tháng 7-1920, trên báo *L'Humanité* (Nhân Đạo), Nguyễn Ái Quốc đọc được toàn văn tác phẩm của V.I.Lênin: Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa và nhận thấy tác phẩm “là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Nguyễn Ái Quốc từ

chủ nghĩa yêu nước đã đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tìm thấy ở lý luận cách mạng và khoa học đó con đường cứu nước đúng đắn, gắn liền sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng con người của chủ nghĩa cộng sản. Điểm nổi bật trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là giành độc lập cho dân tộc gắn liền tất yếu với thực hiện quyền tự do, dân chủ, hạnh phúc của đồng bào. Ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm đấu tranh vì nền độc lập và phát triển đất nước của Nguyễn Ái Quốc là rất rõ ràng, không thể lực cường quyền nào có thể đe dọa và dập tắt.

Một điểm rất quan trọng nữa trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về ý chí tự lực, tự cường là không phụ thuộc vào người khác, vào lực lượng bên ngoài, có quan điểm độc lập về những vấn đề quan hệ quốc tế. Người cho rằng, với ý chí đấu tranh và khát vọng độc lập, tự do, cách mạng ở các nước thuộc địa (trong đó có Việt Nam) hoàn toàn có thể chủ động giành thắng lợi, không phụ thuộc vào cách mạng ở chính quốc có thắng lợi hay không. Chẳng những cách mạng ở thuộc địa có thể thắng lợi mà còn giúp đỡ giai cấp vô sản ở chính quốc trong sự nghiệp đấu tranh.

Dựa trên tư duy khoa học và sự phân tích thực tiễn lịch sử, Nguyễn Ái Quốc càng nuôi dưỡng ý chí đấu tranh và phát triển đất nước theo con đường mới - con đường xã hội chủ nghĩa. Nguyễn Ái Quốc thấy rõ mối quan hệ mật thiết, tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa cách mạng vô sản ở các nước tư bản và cách mạng giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Người coi hai cuộc cách mạng đó như hai cánh của con chim. Cách mạng

giải phóng các dân tộc thuộc địa cần thiết do một Đảng cách mạng chân chính - Đảng Cộng sản lãnh đạo theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin hoàn toàn có thể chuyển hóa, phát triển theo con đường cách mạng vô sản. Điều đó bảo đảm cho sự nghiệp giải phóng dân tộc hoàn toàn và triệt để, đồng thời đi tới giải phóng xã hội, giải phóng con người. Tư tưởng đó là nhất quán trong Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và mang giá trị biện chứng trong sự vận động xã hội của thời kỳ mới.

Ý chí tự lực, tự cường trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc có điều đặc biệt là phải đánh giá và thấy rõ sức mạnh của tinh thần yêu nước và chủ nghĩa dân tộc chân chính của người Việt Nam. Ở một nước thuộc địa như Việt Nam, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân, đế quốc cai trị là vô cùng gay gắt. Cần phải nhận thức đúng đắn vấn đề đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc ở các nước thuộc địa. Làm sao tạo nên sức mạnh to lớn của tinh thần dân tộc chống đế quốc, thực dân. Cần phát triển ý chí tự lực, tự cường của cả một dân tộc.

Từ người yêu nước nhiệt thành, Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản kiên trung, từ người đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc mình trở thành chiến sĩ quốc tế tiêu biểu. Ở Nguyễn Ái Quốc là sự hòa quyện, thống nhất giữa lập trường giai cấp với lập trường dân tộc, giữa chủ nghĩa dân tộc chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Nhận thức của Nguyễn Ái Quốc về ý chí tự lực, tự cường đòi hỏi phải phát triển sức mạnh của toàn dân tộc và kết hợp với sự đoàn kết và ủng hộ quốc tế. Cách mạng Việt Nam phát triển trong xu thế phát triển chung của cách mạng

thế giới, do vậy Quốc tế Cộng sản, giai cấp vô sản các nước và các dân tộc thuộc địa trên khắp thế giới sẽ hết lòng giúp cho. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã” ⁽¹⁾.

Ý chí tự lực, tự cường của Nguyễn Ái Quốc thể hiện ở tính chủ động cùng các đồng chí của mình ra sức chuẩn bị những điều kiện về mọi mặt. Điều kiện trước hết là phải có một Đảng cách mệnh “để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” ⁽²⁾.

Mùa Xuân năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng đã thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và đưa ra thảo luận. Cương lĩnh ngắn gọn, rõ ràng và thể hiện rõ tinh thần độc lập, tự chủ, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam.

Chống đế quốc giành độc lập phải là vấn đề hàng đầu. Độc lập dân tộc là cái căn bản, là tiền đề để đi tới xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Quy luật độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được Nguyễn Ái Quốc xác định ngay từ đầu khi Đảng mới được thành lập. Trước hết phải giành cho được độc lập dân tộc. Phải giương cao ngọn cờ dân tộc để tập hợp đoàn kết không chỉ công nhân, nông dân mà lực lượng của toàn dân tộc. Đó là những quan điểm rất

đúng đắn, sáng tạo của người sáng lập Đảng và các đồng chí dự hội nghị thành lập Đảng đồng tình. Quan điểm đó có giá trị lý luận và thực tiễn bền vững, chỉ đạo suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, bảo đảm đi đến thắng lợi.

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc, cùng Trung ương Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do. Người chủ trì Hội nghị Trung ương 8 họp ở Cao Bằng quyết định những vấn đề lớn của cách mạng. Hoàn chỉnh đường lối, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xử lý đúng đắn đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, quyết tâm, giành độc lập với khẩu hiệu độc lập trên hết, Tổ quốc trên hết. Đó là đường lối cách mạng độc lập, tự chủ, sáng tạo phù hợp với đặc điểm thực tiễn của Việt Nam.

Điều lãnh tụ Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng là phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân. Khi trao đổi với đồng chí Võ Nguyên Giáp về lập căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, lãnh tụ Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải động viên lực lượng của toàn dân, *dân trước, súng sau, có dân sẽ có súng*, có dân là có tất cả. Quan điểm đó có giá trị lý luận, thực tiễn bền vững cho đến ngày nay.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Đó là thành quả của cuộc đấu tranh kiên cường của cả dân tộc Việt Nam do Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo. Đó là thành quả của ý chí tự lực, tự cường, khát vọng độc lập, tự do, phát triển đất nước mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nêu cao và được cả dân tộc nhận thức và hành động.

Trong Tuyên ngôn độc lập đọc ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ quyền con người nâng lên quyền của các dân tộc quyết định quyền sống của mình. “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁽³⁾.

Thời kỳ 1954-1975, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cách mạng Việt Nam thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc; đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền nam, kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhằm giải phóng miền nam thống nhất đất nước.

Ý chí tự lực tự cường, khát vọng độc lập, thống nhất Tổ quốc được Hồ Chí Minh giáo dục sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong cả nước, thực hiện cho được thống nhất, độc lập hoàn toàn và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khi miền bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1954, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước là rất lớn lao và trong điều kiện cho phép để chăm lo đời sống hạnh phúc của nhân dân. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra trực tiếp và đó là con đường phát triển tất yếu của đất nước và dân tộc đã được Hồ Chí Minh đặt ra từ năm 1930 khi thành lập Đảng.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào đã được Hồ Chí Minh đặt ra trên cơ sở nhận thức khoa học đúng đắn lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin phù hợp thực tiễn Việt Nam. Tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước đã thể hiện nổi bật trong tư

duy và hành động của Hồ Chí Minh. Năm 1956, Hồ Chí Minh đã cho rằng hoàn cảnh đất nước Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu của chế độ phong kiến và thuộc địa kéo dài, lại trải qua chiến tranh, nên xây dựng chủ nghĩa xã hội “không thể làm mau được mà phải làm dần dần”. Hồ Chí Minh đã định nghĩa chủ nghĩa xã hội rất cô đọng từ thực tiễn, khát vọng Việt Nam: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh”⁽⁴⁾.

Hồ Chí Minh luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, từ hoàn cảnh cụ thể của nước mình, vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn để nêu ra những quan điểm, chủ trương phù hợp có tính hiện thực, không giáo điều, máy móc trong học tập kinh nghiệm của nước khác. Xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Việt Nam phải có cách làm riêng, bước đi và giải pháp thích hợp. “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁽⁵⁾.

Độc lập, sáng tạo trong tư duy, trong quan điểm, chủ trương và hành động là phong cách lãnh đạo nổi bật của Hồ Chí Minh. Người đặc biệt coi trọng lý luận nhưng đó là lý luận tổng kết từ thực tiễn chứ không phải học thuộc lòng những nguyên lý, kết luận có sẵn mà thiếu sự vận dụng sáng tạo.

Ngày 7-9-1957, trong Diễn văn khai mạc lớp học lý luận khóa I Trường Nguyễn Ái Quốc (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “muốn đỡ bớt mò mẫm, muốn đỡ phạm sai lầm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách

sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”⁽⁶⁾.

Những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giá trị chỉ đạo thực tiễn và nghiên cứu lý luận của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo con

đường của chủ nghĩa xã hội, trở thành cơ sở rất quan trọng để Đảng đổi mới tư duy lý luận, nắm bắt thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, hoạch định đường lối đổi mới tại Đại hội VI (tháng 12-1986) và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới để Việt Nam có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

-
- (1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2011, tập 2, tr.320.
 (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd tập 2, tr.289.
 (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd tập 4, tr.3.
 (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd tập 10, tr.39.
 (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd tập 10, tr.391.
 (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd tập 11, tr.92.

Nhân Dân
 ĐIỆN TỬ
 CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
 TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN VIỆT NAM

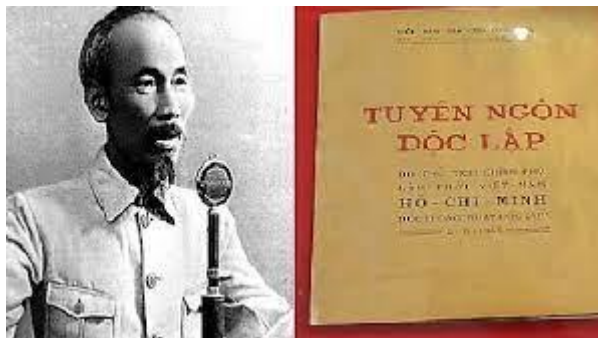


**THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT
 ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

CHÍNH TRỊ KINH TẾ VĂN HÓA XÃ HỘI PHÁP LUẬT DU LỊCH THỂ GIỚI THỂ THAO GIÁO DỤC Y TẾ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ BÀN ĐỌC Q

HỒ CHÍ MINH VỚI KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC CHO DÂN TỘC VIỆT NAM

GS, TS HOÀNG CHÍ BẢO
*Chuyên gia cao cấp,
 Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*



Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã dâng hiến trọn vẹn cả cuộc đời và sự nghiệp của mình cho dân tộc Việt Nam, là hiện thân của khát vọng mãnh liệt giải phóng dân tộc, phấn đấu đến cùng cho nền độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của dân tộc. Đây không chỉ là giải phóng dân tộc mà còn là phát triển dân tộc, đưa dân tộc ta ra khỏi tình cảnh nô lệ, nước mất nhà tan, bị đọa đầy áp bức dưới ách thống trị của đế quốc, thực dân, giành lại độc lập chủ quyền và xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân trở thành người chủ, có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc.

Sau gần một thập kỷ đầu tiên trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước cứu dân, từ ngày 5-6-1911 khi rời bến cảng Nhà Rồng đến năm 1920, Người đã tiếp cận tư tưởng Lê-nin về quyền tự quyết của các dân tộc. Luận cương của Lê-nin đã giúp Người tìm thấy câu trả lời mà Người hằng mong đợi, đã dẫn đến bước ngoặt tư tưởng và hành động của Người. Từ một người yêu nước với tình cảm thương dân mãnh liệt và tinh thần dân tộc sâu sắc, Người đã trở thành một chiến sĩ cộng sản. Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã lần đầu tiên đến quê hương của Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa xã hội hiện thực. Chứng kiến trực tiếp sự hồi sinh của nước Nga Xô Viết, Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu rút ra những thu hoạch bổ ích để xác tín một niềm tin khoa học về chủ nghĩa xã hội, về con đường tất yếu phải đi qua để thực hiện lý tưởng và mục tiêu cách mạng trên quê hương, đất nước mình với hệ giá trị cốt yếu của phát triển: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc cho dân tộc và nhân dân.

Nhờ nắm vững linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, vào những năm 1924-1925, Nguyễn Ái Quốc đã hình thành những nhận thức cơ bản về cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản (xã hội chủ nghĩa), về mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng ở chính quốc với cách mạng ở thuộc địa, về sự phát triển chủ nghĩa yêu nước chân chính và tinh thần dân tộc với chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân. Luận điểm của Người cho rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng giai cấp công nhân và giải

phóng xã hội, đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc của các dân tộc trên thế giới.

Năm 1930, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các Văn kiện "Chánh cương vắn tắt của Đảng", "Sách lược vắn tắt của Đảng", "Điều lệ tóm tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam" và "Lời kêu gọi" nhân dịp thành lập Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp soạn thảo, được thảo luận và thông qua tại hội nghị thành lập Đảng. Các văn kiện quan trọng đó thể hiện tinh thần cách mạng triệt để và sáng tạo, kết hợp một cách đúng đắn và phù hợp giữa lý luận và thực tiễn Việt Nam. Quan điểm cơ bản của các văn kiện này có giá trị xuyên suốt con đường và mục tiêu cách mạng nước ta, đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Dù trong hình thức vắn tắt, các văn kiện thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua đã tỏ rõ bản chất giai cấp công nhân của Đảng và tầm nhìn thấu suốt con đường, mục tiêu cách mạng, chiến lược đại đoàn kết, sự trung thành của Đảng với lợi ích giai cấp và mục tiêu độc lập dân tộc, gắn chặt sự phối hợp cách mạng nước ta với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức và phong trào công nhân quốc tế. Đó là sự thể hiện bản chất của Đảng cách mạng theo học thuyết Đảng kiểu mới của Lê-nin.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (mà ngay từ đầu tên Đảng do Nguyễn Ái Quốc xác định) là sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu bước ngoặt của phong trào cách mạng Việt Nam, đây là khởi đầu dẫn tới Thời đại Hồ Chí Minh, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội Việt Nam, chấm dứt cuộc khủng hoảng triền miên về đường lối cứu nước

từ cuối thế kỷ 19 đến thập niên 30 thế kỷ 20. Bước ngoặt ấy cũng là khởi đầu cho sự thay đổi số phận của dân tộc ta, là dấu mốc điển hình cho sự phát triển thành thực tư tưởng, đường lối và phương pháp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, dẫn tới Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời chế độ cộng hòa dân chủ Việt Nam với Tuyên ngôn độc lập bất hủ được Người soạn thảo và đọc tại Thủ đô Hà Nội ngày 2-9-1945.

HỒ CHÍ MINH không chỉ là nhà tư tưởng kiệt xuất phát kiến ra quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tìm ra quy luật đặc thù của Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân ta, mà còn là nhà tổ chức thiên tài, là linh hồn của cách mạng Việt Nam, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế. Đảng cách mạng chân chính do Người sáng lập và rèn luyện, mới 15 tuổi đã đủ sức lãnh đạo thành công Cách mạng Tháng Tám năm 1945 - một trong những cuộc cách mạng điển hình nhất trong thế kỷ 20, chỉ sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Với Cách mạng Tháng Tám năm 1945, một thời đại mới đã mở ra ở Việt Nam, thời đại mang tên Người, thời đại rực rỡ huy hoàng nhất trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Vào lúc đó, đội ngũ của Đảng chỉ năm nghìn người đã tiên phong, chiến đấu, hy sinh đưa 20 triệu người Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ, trở thành người chủ và làm chủ vận mệnh của mình. Từ đây, Đảng do Người lãnh đạo đã chính thức trở thành Đảng cầm quyền. Chế độ cộng

hòa dân chủ ra đời, do Người khai sinh với bản Tuyên ngôn độc lập - một áng thiên cổ hùng văn, tuyên ngôn lập quốc, dựng nước thời hiện đại. Vị thế và quyền của dân tộc Việt Nam, "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay" đã được Hồ Chí Minh khẳng định: "Dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập" ⁽¹⁾. Kết thúc bản Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh khẳng định những quyền tự do, độc lập của Việt Nam, khẳng định sự thật lịch sử: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập" ⁽²⁾.

Đó là những quyền thiêng liêng, những giá trị thiêng liêng: "Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy" ⁽³⁾.

Với Việt Nam, đó vừa là tuyên bố chính trị - pháp lý, vừa là lời thề nguyện về quyết tâm sắt đá, về đức hy sinh cao cả của toàn thể dân tộc để bảo vệ, giữ vững những quyền đã giành được.

Với thế giới, Tuyên ngôn độc lập như một thông điệp mà Chính phủ và nhân dân Việt Nam gửi tới toàn thế giới để tỏ rõ lập trường và quan điểm, thái độ và hành động của mình gìn giữ tự do, độc lập mới giành được.

Đó là sự mở đầu trong toàn bộ nỗ lực thực hiện khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh trong điều kiện nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới khai sinh, chính thể cộng hòa dân chủ vừa mới ra đời.

Nền độc lập phải là độc lập thực chất và hoàn toàn, độc lập gắn liền với tự

do. Ý chí của Hồ Chí Minh và của toàn thể dân tộc ta là độc lập tự do thực sự và hoàn toàn, nó không thể là cái bánh vẽ, giả hiệu. Độc lập trong tự do, và tự do, tự quyết định vận mệnh của mình phải bảo đảm cho nền độc lập, thống nhất Tổ quốc. Độc lập tự do phải do chính nhân dân ta chủ động đấu tranh giành lấy, không thể chờ đợi bên ngoài, không thể thụ động, ỷ lại. Do đó, để có độc lập tự do phải trải qua nhiều gian khổ, hy sinh, đó là sự nghiệp đấu tranh lâu dài, bền bỉ, phải đoàn kết, hợp sức, phát huy lòng yêu nước tự bên trong và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ từ bên ngoài của quốc tế.

Khát vọng Độc lập - Tự do - Hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh còn đồng thời là khát vọng thống nhất Tổ quốc. Trong lời tuyên bố với quốc dân ngày 23-10-1946, Hồ Chí Minh nói: "Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng; Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc" ⁽⁴⁾. Người cũng nêu lên những việc phải làm ngay để tạo không khí hòa bình, và xây đắp con đường dân chủ để đi tới sự nghiệp Việt Nam thống nhất của chúng ta.

Đối với Người, độc lập dân tộc không tách rời với thống nhất Tổ quốc và độc lập, thống nhất Tổ quốc, gắn với tự do, hạnh phúc của nhân dân. Người đã nhiều lần nhắc nhở chúng ta "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì" ⁽⁵⁾.

Người đã nỗ lực hết mình, làm hết sức mình cùng với Đảng và Chính phủ do

Người lãnh đạo thực hành cho bằng được những tư tưởng cao quý đó. Nội các Chính phủ do Người đứng đầu đã từng tuyên thệ, đã đọc lời thề trung thành với Tổ quốc, phấn đấu đến cùng cho lợi quyền dân chúng, dù có phải hy sinh cả tính mạng cũng sẵn sàng. Trên diễn đàn Quốc hội tại kỳ họp thứ hai, khóa I, ngày 31-10-1946, Người tuyên bố trước quốc dân và quốc tế rằng, "Hồ Chí Minh không phải là kẻ tham quyền cố vị, mong được thăng quan phát tài" ⁽⁶⁾. Người cũng nhấn mạnh, "Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái... Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ liêm khiết... một Chính phủ biết làm việc, có gan góc, quyết tâm đi vào mục đích trong thì kiến thiết, ngoài thì tranh thủ độc lập và thống nhất của nước nhà" ⁽⁷⁾. Là điển hình cho đức tính kiên quyết và nhất quán, lời nói luôn đi đôi với việc làm, chủ trương lãnh đạo bằng chính phẩm chất gương mẫu, tận tụy, liêm khiết và hy sinh, Hồ Chí Minh và Chính phủ do Người lãnh đạo đã tỏ rõ sự nỗ lực cao độ để thực hiện khát vọng Độc lập - Tự do - Hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam.

Vào cuối đời, ngày 14-7-1969, khi trả lời nhà báo Cu-ba, nữ đồng chí Mác-ta Rô-hát, Người nói "Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi" ⁽⁸⁾. Đủ hiểu vì sao, trên giường bệnh, trước phút lâm chung, Người vẫn đau đáu chờ tin chiến thắng trên chiến trường miền nam, Người vẫn hỏi về đời sống nhân dân, nhất là nông dân ở nông thôn trong những ngày đê vỡ, lũ lụt. Người vẫn quan tâm tới Tết Trung thu của các cháu thiếu nhi và việc chuẩn bị cho ngày khai giảng năm học mới của các cháu. Trong Di chúc ở những dòng cuối cùng, Người ra đi không có gì phải

hối hận vì đã sống hết mình, đã phục vụ hết mình cho dân, cho nước. Người chỉ có điều tiếc nuối, "không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa" ⁽⁹⁾.

Tâm nguyện của Người, điều mong muốn cuối cùng của Người ký thác vào toàn dân, toàn Đảng là "một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới" ⁽¹⁰⁾. Tâm nguyện ấy là khát vọng của Người, là thực hiện khát vọng cho dân tộc Việt Nam: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Người đã cống hiến cả cuộc đời mình, hy sinh cả cuộc sống riêng tư, hạnh phúc riêng tư để trọn đời tranh đấu cho hạnh phúc lớn lao của toàn dân tộc, của cả nhân loại cần lao. Người biểu đạt trí tuệ, lương tâm, khí phách của toàn dân tộc, là "hình ảnh của dân tộc" ⁽¹¹⁾.

Người không chỉ thể hiện khát vọng dân tộc mà còn là người thực hiện khát vọng ấy, toàn tâm toàn ý vì vận mệnh của dân tộc, vì cuộc sống của nhân dân. Đã 110 năm kể từ ngày Nguyễn Tất

Thành ra đi tìm đường cứu nước. Đã 80 năm kể từ khi Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Cũng đã hơn nửa thế kỷ, Hồ Chí Minh để lại bản Di chúc thiêng liêng. Tư tưởng và di sản vĩ đại mà Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang tiếp tục được phát huy trong sự nghiệp đổi mới, để đất nước phát triển nhanh và bền vững, dân tộc cường thịnh, trường tồn, sánh vai cùng các cường quốc năm châu như sinh thời Người vẫn hằng mong.

-
- (1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tập 4, tr.1, tr.3.
 (2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.3.
 (3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.3.
 (4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.470.
 (5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.64.
 (6) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.478-479.
 (7) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.478-479.
 (8) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 15, tr.674.
 (9) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 15, tr.615.
 (10) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 15, tr.614.
 (11) Phạm Văn Đồng: Hồ Chủ tịch, tinh hoa và khí phách của dân tộc, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2009.



TẠP CHÍ
Quốc phòng
toàn dân

CƠ QUAN LÝ LUẬN QUÂN SỰ, CHÍNH TRỊ CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG VÀ BỘ QUỐC PHÒNG

Tòa soạn:
 38A Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 ĐT: (0243)8.457.044; (069)552.364
 Fax: (0243)7.479.956

[Vấn đề chung](#)
[Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống](#)
[Tổng kết thực tiễn](#)
[Bình luận - Phê phán](#)
[Nghiên cứu - Tìm hiểu](#)
[Thông tin - Tư liệu](#)

Thứ Năm, 03/06/2021, 13:35 (GMT+7)

HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH - ĐỘNG CƠ TRONG SÁNG, GIÁ TRỊ SÂU SẮC

ThS. NGUYỄN QUANG BÌNH

Trưởng Sĩ quan Chính trị

Với khát vọng cháy bỏng đem lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, ngày 05/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã ra đi từ Bến cảng Nhà Rồng, quyết tâm thực hiện hoài bão giải phóng nước nhà khỏi ách nô lệ của thực dân, đế quốc. Sự kiện này không chỉ đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, mà còn ghi vào lịch sử dân tộc thời khắc chuyển mình mạnh mẽ phát triển theo chiều hướng mới.

Đó là quyết định táo bạo, đầy sáng tạo, được thúc đẩy bằng động cơ trong sáng:

Thứ nhất, ra đi tìm đường cứu nước vì lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Được sinh ra và lớn lên trong gia đình có truyền thống hiếu học, một địa phương có truyền thống yêu nước, từ khi còn nhỏ, Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Tất Thành đã sớm được tiếp cận với các tư tưởng lớn của phương Đông, hấp thụ vốn văn hóa truyền thống dân tộc, Hán học và bước đầu tiếp xúc với văn hóa phương Tây tạo nên một nhân cách mới nhân cách Hồ Chí Minh. Chứng kiến cảnh khổ cực của người dân mất nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của cha anh, Người càng yêu nước, thương dân sâu sắc. Vốn có tư chất thông minh, nhạy bén với cái mới, Người bị lôi cuốn bởi khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái”. Tất cả những yếu tố ấy hòa quyện với nhau làm nảy nở, bồi đắp, nhân lên lòng yêu nước, thương dân và khát vọng giải phóng dân tộc: *“Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”*¹. Ham muốn đó thật cao cả, vĩ đại, thể hiện lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến, một hoài bão lớn lao, một khát vọng cháy bỏng, một tầm nhìn chiến lược của Lãnh tụ thiên tài. Đây chính là nhân tố cơ bản thúc giục Người quyết định ra đi tìm đường cứu nước.



Nguồn: trungtamvanhoals.vn

Thứ hai, ra đi tìm đường cứu nước vì quyết tâm tìm ra con đường mới để giải phóng dân tộc. Thực tiễn xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã tác động trực tiếp đến tư tưởng cứu nước và chí hướng cách mạng của Người. Sau khi đặt ách đô hộ lên đất nước ta, thực dân Pháp cấu kết với triều đình nhà Nguyễn bóc lột nhân dân ta đến tận xương tủy, nhân dân ta chịu cảnh “một cổ hai tròng”. Một lẽ tự nhiên, các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp theo nhiều khuynh hướng khác nhau đã liên tiếp nổ ra, nhưng đều thất bại. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa tinh thần đấu tranh anh dũng của dân tộc với sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, Nguyễn Tất Thành rất khâm phục ý chí đấu tranh của các bậc tiền bối, nhưng không tán thành đường lối cứu nước của họ. Vì vậy, Người quyết chí ra đi tìm con đường mới để cứu nước, một quyết định có ý nghĩa lịch sử, thể hiện rõ tầm nhìn, tư duy độc lập, sáng tạo. Từ phân tích, đánh giá ý nghĩa các sự kiện lớn trên thế giới, đặc biệt là các cuộc cách mạng xã

hội, Người đã định hình ra con đường đề đòi quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho nhân dân mình. Người đã có một bước phát triển mới trong nhận thức về con đường cứu nước khi Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công. Đặc biệt, khi tiếp xúc với bản “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I.Lênin, Người vạch ra chân lý: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”²; “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức”³.

Thứ ba, ra đi tìm đường cứu nước vì mong muốn xác định chính xác lực lượng đảm nhiệm sứ mệnh lãnh đạo cách mạng. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam rơi vào khủng hoảng sâu sắc, toàn diện không chỉ về đường lối cách mạng mà còn cả về giai cấp lãnh đạo cách mạng. Chính trong thời điểm ấy, ở Việt Nam xuất hiện một giai cấp hoàn toàn mới - giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời do chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, vừa mang những đặc điểm chung của giai cấp công nhân thế giới, vừa có những nét riêng biệt. Với nhân quan chính trị thiên tài, đặc biệt khi đứng trên lập trường, quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi. Người nhấn mạnh: “Đặc tính cách mạng của giai cấp công nhân là: Kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại vì là giai cấp tiên tiến nhất trong sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc,

để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thấm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác - Lênin; đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều giữ vai trò lãnh đạo”⁴.

Thứ tư, ra đi tìm đường cứu nước vì khát vọng, hoài bão, niềm tin tất thắng vào sức mạnh dân tộc. Sinh ra và lớn lên trong cảnh mất nước, chứng kiến nỗi khổ cực, lầm than của nhân dân và nhiều cuộc khởi nghĩa, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp lần lượt bị thất bại, cách mạng Việt Nam rơi vào bế tắc, Người xác định rõ mục đích cao cả là quyết tâm tìm một con đường cứu nước, cứu dân. Đây không phải là “cuộc phiêu lưu mạo hiểm”, mà đó là sự hội tụ đầy đủ ý chí, nghị lực và niềm tin tất thắng về sức mạnh đoàn kết, kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam. Đó còn là quyết định xuất phát từ lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Người khẳng định: “Độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho dân tộc tôi và hạnh phúc cho đồng bào tôi, đó là tất cả những gì tôi muốn, đó là tất cả những gì tôi hiểu”⁵. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã xây dựng một hệ thống lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc phù hợp với thực tiễn nước nhà; xác định đúng mục tiêu, con đường, lực lượng tham gia, lực lượng lãnh đạo, cũng như phương pháp cách mạng và tích cực chuẩn bị mọi mặt cho sự ra đời của một chính đảng cách mạng ở Việt Nam.

Bằng trí tuệ mẫn tiệp, tầm nhìn rộng mở, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người chiến sĩ Cộng sản xuất sắc, đã làm sáng rõ con đường cách mạng Việt Nam, soi đường, chỉ lối cho

dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác dưới sự lãnh đạo của Đảng do Người sáng lập, giáo dục và rèn luyện. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người là bản anh hùng ca về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tận tụy, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, vì hòa bình, phát triển và tiến bộ của nhân loại.

110 năm đã trôi qua, nhưng sự kiện Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước có ý nghĩa to lớn, đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị:

Một là, *đối với tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc*, đó là một mốc son mở đầu trang sử mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, xác định con đường cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, con đường cách mạng đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tiễn, đưa cách mạng đi đến thành công. Người là tấm gương sáng ngời, mẫu mực về đạo đức cách mạng; biểu tượng về ý chí, nghị lực, sự phấn đấu nỗ lực không ngừng nghỉ, vượt mọi gian khó; tấm gương sáng về tính kiên định, bản lĩnh, lòng trung thành tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng cách mạng; gần dân, tin dân, yêu thương, quý trọng nhân dân, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Người đã kiến tạo một kho báu tư tưởng vô giá trên mọi phương diện của sự nghiệp cách mạng: về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa, giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới; quy luật ra đời và vai trò lãnh đạo của

Đảng Cộng sản, xây dựng một chính đảng Mác xít ở một nước thuộc địa nửa phong kiến; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, v.v.

Hai là, *đối với Đảng Cộng sản Việt Nam*, Người không chỉ sáng lập ra Đảng Cộng sản mà còn đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, thực sự là một Đảng cách mạng chân chính, “là đạo đức, là văn minh”⁶. Hơn 91 năm qua, Đảng luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lãnh đạo nhân dân đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Mặc dù, tình hình trong nước và quốc tế hiện nay có nhiều biến đổi; song, Đảng vẫn kiên định mục tiêu, con đường mà lãnh tụ Hồ Chí Minh đã lựa chọn là con đường duy nhất đúng, phù hợp với quy luật phát triển của thời đại.

Ba là, *đối với các thế hệ người Việt Nam, đặc biệt là với thanh niên*, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước mãi là tấm gương sáng ngời về tinh thần yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì đất nước; biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng; động lực phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc ta, nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Theo Hồ Chí Minh: tương lai của đất nước, của dân tộc nằm ngay trong tay các thế hệ thanh niên; thanh niên là lực lượng cách mạng hùng hậu, bộ phận quan trọng của dân tộc, là lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”⁷,... đó là bài

học về nghĩa vụ, trách nhiệm của tuổi trẻ đối với quê hương, đất nước, tinh thần học tập sáng tạo, độc lập tự chủ, tận trung với nước, tận hiếu với dân mà Người là tấm gương tiêu biểu.

Bốn là, *đối với phong trào cách mạng thế giới*, vận dụng và phát triển học thuyết Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đã đưa ra những luận điểm hết sức sáng tạo về: lực lượng cách mạng, vấn đề nông dân; mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa; xây dựng một chính đảng vô sản kiểu mới; quan điểm lý luận cách mạng phải gắn liền với thực tiễn cách mạng,... làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta là nguồn cổ vũ đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Theo gương Việt Nam, hàng loạt nước thuộc địa đã đứng lên lật đổ ách thống trị của thực dân, đế quốc giành độc lập. Với tư duy chính trị nhạy bén, Người đã nhận thức được xu thế phát triển tất yếu của thời đại để từ đó gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, kết hợp sức

mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng và sự nghiệp hoạt động cách mạng vô cùng phong phú, vĩ đại của Hồ Chí Minh không chỉ là tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam, mà còn đóng góp quý báu vào sự nghiệp cách mạng các dân tộc bị áp bức, sự phát triển tinh hoa văn hóa nhân loại. Những cống hiến, hy sinh trọn đời của Người trở thành tấm gương sáng ngời về sự trung thành tuyệt đối với lý tưởng cộng sản, đóng góp to lớn cho tình đoàn kết giữa nhân dân các nước, giữa giai cấp vô sản ở chính quốc và nhân dân các dân tộc thuộc địa, giữa các nước xã hội chủ nghĩa với lực lượng tiến bộ trên thế giới trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

- 1 - Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 4, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 161, 162
- 2 - *Sđd*, tr. 603.
- 3 - *Sđd*, tr. 563.
- 4 - *Sđd*, tr. 256.
- 5 - Trần Dân Tiên - *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb CTQG, H. 2020, tr. 04.
- 6 - Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 12, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 403.
- 7 - *Sđd*, tr. 510.



LAN TỎA KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TINH THẦN DẤN THÂN VÌ TỔ QUỐC

PGS.TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC
(Nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng)

Con đường ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại những bài học to lớn về khát vọng độc lập dân tộc, tinh thần tự chủ, dám nghĩ dám làm, dám dấn thân cho các thế hệ trẻ hôm nay. Học tập và làm theo Bác để thế hệ trẻ kiên định với lý tưởng cách mạng, có khát vọng vươn lên, sớm hiện thực hóa khát vọng hùng cường như Bác hằng mong muốn.

Nêu cao ý chí tự lực, tự cường

Cách đây 110 năm, vào ngày 5/6/1911, với ý chí, tinh thần của tuổi trẻ và khát vọng giải phóng dân tộc cháy bỏng, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Người xác định mục tiêu rõ ràng là tìm con đường đấu tranh đúng đắn để giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào mình. Con đường Bác đi là tìm một con đường tranh đấu chứ không đi cầu ngoại viện, không tìm sự giúp đỡ của nước ngoài, “tìm đường đi cho dân tộc theo đi”. Người nêu cao ý chí khát vọng độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào mình, tự lực, tự cường, tin vào sức mạnh của toàn dân, chứ không phải lực lượng của một hai người, một nhóm người...

Người luôn luôn đặt lên hàng đầu mục tiêu giải phóng dân tộc, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước đồng thời lựa chọn phương pháp đấu tranh thích hợp đánh đổ hoàn toàn chế độ thực dân phong kiến tàn bạo; tất cả vì lợi ích của toàn thể quốc gia, dân tộc. Con đường cứu nước không thể là tự phát mà phải là hành động tự giác, đoàn kết toàn dân tộc, do một Đảng cách mạng chân chính lãnh đạo và Đảng cách mạng đó phải được trang bị lý luận khoa học. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như “người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”.

Nguyễn Tất Thành tự lao động, làm việc để sinh sống với nhiều nghề

khác nhau: phụ bếp trên tàu, làm phục vụ ở khách sạn, quét tuyết, làm bánh ngọt (ở Anh), in, rửa ảnh, chụp ảnh, vẽ minh họa cho các báo, viết báo... Sự lựa chọn các công việc đó trước hết để có thu nhập, để sống và làm việc lớn; qua công việc để hiểu, đồng cảm với những người lao động cùng khổ ở khắp mọi nơi trên thế giới, và cũng để tự rèn luyện bản thân, nuôi dưỡng ý chí tự lực, tự cường, tu dưỡng đạo đức và bản lĩnh của chiến sĩ cách mạng. Trong hành trình đó, Người đã đến được với chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định đi theo con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc, đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

30 năm sau ngày ra đi tìm đường cứu nước, ngày 28/1/1941 (mùng 2 Tết Tân Ty), từ nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp chỉ đạo các phong trào cách mạng, xây dựng căn cứ địa cách mạng tại Pác Bó - Cao Bằng. Đây là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử quan trọng, mở ra bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam. Bác về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng có ý nghĩa động viên, cổ vũ rất lớn. Nhân dân đoàn kết, quyết tâm đi theo Đảng, theo Bác, theo sự nghiệp cách mạng. Nó mở ra thời kỳ mới của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc giành độc lập.

Vươn lên hiện thực hóa khát vọng hùng cường

Tinh thần yêu nước, độc lập tự chủ, bản lĩnh dám nghĩ dám làm, dám dấn thân của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành- Chủ tịch Hồ Chí

Minh mãi là bài học quý báu đối với thế hệ trẻ hôm nay. Bác không bao giờ mất niềm tin vào chính mình.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt niềm tin rất lớn vào thanh niên. Bây giờ có độc lập rồi, làm sao giáo dục được thế hệ trẻ ý thức tự lực, tự cường. Phải có khát vọng, có tinh thần dấn thân vì Tổ quốc, vì nhân dân. Tuổi trẻ phải dám đương đầu với những khó khăn thách thức, có khát vọng vươn lên để hiện thực hóa khát vọng hùng cường. Thế hệ trẻ phải trung thành với con đường cách mạng mà Bác đã lựa chọn, phát huy tinh thần đoàn kết tạo ra những bước phát triển ngoạn mục của đất nước.

Kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước trong bối cảnh toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Sau hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều

thành tựu rất quan trọng. Chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Phát huy những thành quả đạt được, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra mục tiêu: Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Để đạt được mục tiêu đó, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhất là thế hệ trẻ phải phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

PHẦN II

VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG NGƯỜI ĐÃ CHỌN

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam



Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một đề tài lý luận và thực tiễn rất cơ bản, quan trọng, nội dung rất rộng lớn, phong phú và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc, tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, khoa học. Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin đề cập một số khía cạnh từ góc nhìn thực tiễn của Việt Nam. Và cũng chỉ tập trung vào trả lời mấy câu hỏi: Chủ nghĩa xã hội là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì?

Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa xã hội thường được hiểu với ba tư cách: Chủ nghĩa xã hội là một học thuyết; chủ nghĩa xã hội là một phong trào; chủ nghĩa xã hội là một chế độ. Mỗi tư cách ấy lại có nhiều biểu hiện khác nhau, tùy theo thế giới quan và trình độ phát triển ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Chủ nghĩa xã hội đề cập ở đây là chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên học thuyết Mác - Lênin trong thời đại ngày nay. Vậy thì chúng ta phải định hình chủ nghĩa xã hội thế nào, và

định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm cụ thể ở Việt Nam?

Trước đây, khi còn Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa thế giới thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dường như không có gì phải bàn, nó mặc nhiên coi như đã được khẳng định. Nhưng từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội lại

được đặt ra và trở thành tâm điểm thu hút mọi sự bàn thảo, thậm chí tranh luận gay gắt. Các thế lực chống cộng, cơ hội chính trị thì hí hửng, vui mừng, thừa cơ dẫn tới để xuyên tạc, chống phá. Trong hàng ngũ cách mạng cũng có người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội, quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó họ cho rằng chúng ta đã chọn đường sai, cần phải đi con đường khác. Có người còn phụ họa với các luận điệu thù địch, công kích, bài bác chủ nghĩa xã hội, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản. Thậm chí có người còn sám hối về một thời đã tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường xã hội chủ nghĩa! Thực tế có phải như vậy không? Thực tế có phải hiện nay chủ nghĩa tư bản, kể cả những nước tư bản chủ nghĩa già đời vẫn đang phát triển tốt đẹp không? Có phải Việt Nam chúng ta đã chọn con đường đi sai không?

Chúng ta thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ. Nhiều nước tư bản phát triển, trên cơ sở các điều kiện kinh tế cao và do kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã có những biện pháp điều chỉnh, hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiến bộ hơn so với trước. Từ giữa thập kỷ 70 và nhất là từ sau khi Liên Xô tan rã, để thích ứng với điều kiện mới, chủ nghĩa tư bản thế giới đã ra sức tự điều chỉnh, thúc đẩy các

chính sách "tự do mới" trên quy mô toàn cầu và nhờ đó hiện vẫn còn tiềm năng phát triển. Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Các cuộc khủng hoảng vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt là, năm 2008 - 2009 chúng ta đã chứng kiến cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra các trung tâm tư bản chủ nghĩa khác và tác động đến hầu hết các nước trên thế giới. Các nhà nước, các Chính phủ tư sản ở Phương Tây đã bơm những lượng tiền khổng lồ để cứu các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia, các tổ hợp công nghiệp, tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, nhưng không mấy thành công. Và hôm nay, chúng ta lại chứng kiến cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế đang diễn ra dưới tác động của đại dịch Covid-19 và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa: Đời sống của đa số dân cư lao động bị giảm sút nghiêm trọng, thất nghiệp gia tăng; khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc. Những tình huống "phát triển xấu", những nghịch lý "phản phát triển", từ địa hạt kinh tế - tài chính đã tràn sang lĩnh vực xã hội, làm bùng nổ các xung đột xã hội và ở không ít nơi từ tình huống kinh tế đã trở thành tình huống chính trị với các làn sóng biểu tình, bãi công, làm rung chuyển cả thể chế. Sự thật cho thấy, bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn và trong nhiều trường hợp còn gây ra những tổn hại nghiêm

trọng cho các nước nghèo; làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa lao động và tư bản toàn cầu. Sự thật đó cũng làm phá sản những lý thuyết kinh tế hay mô hình phát triển vốn xưa nay được coi là thời thượng, được không ít các chính khách tư sản ca ngợi, được các chuyên gia của họ coi là tối ưu, hợp lý.

Cùng với khủng hoảng kinh tế - tài chính là khủng hoảng năng lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái, ... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của nó. Theo nhiều nhà khoa học phân tích, các cuộc khủng hoảng hiện nay không thể giải quyết được một cách triệt để trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức "dân chủ tự do" mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ. Hệ thống

quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn. Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào "99 chống lại 1" diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản. Sự rêu rao bình đẳng về quyền nhưng không kèm theo sự bình đẳng về điều kiện để thực hiện các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là hình thức, trống rỗng mà không thực chất. Trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át. Vì vậy mà tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là "tự do", "dân chủ" dù có thể thay đổi chính phủ nhưng không thể thay đổi được các thế lực thống trị; đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản.

Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, "cá lớn nuốt cá bé" vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hoà với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ

hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và huỷ hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi.

Như chúng ta đều biết, nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ hy sinh để chống lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, để quốc đề bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân với tinh thần "Không có gì quý hơn Độc lập Tự do".

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc.

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân

Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương: "Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa". Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù trên thế giới chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định: "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), chúng ta một lần nữa khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử".

Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Đó là điều mà chúng ta luôn luôn trăn trở, suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để từng bước hoàn thiện đường lối, quan điểm và tổ chức thực hiện, làm sao để vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức ngày càng

đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; từng bước khắc phục một số quan niệm đơn giản trước đây như: Đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ, không thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản...

Cho đến nay, mặc dù vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta đã hình thành nhận thức tổng quát: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con

người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới. Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. đương nhiên, việc kế thừa

những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển.

Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ).

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng

được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: Không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xoá đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh,

bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hoá đồng bộ, hài hoà với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hoá thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hoá nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hoá, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hoà với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã

hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, do đó cần và có điều kiện để xây dựng sự đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội. Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội. Chúng ta nhận thức rằng, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm

chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam; không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo.

Nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam; Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Khi Đảng cầm quyền, lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của mình và do đó Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Nói như vậy không có nghĩa là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, mà là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, vì giai cấp công nhân là giai cấp có lợi ích thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Đảng ta kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư

tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ. Ý thức được nguy cơ đối với đảng cầm quyền là tham nhũng, quan liêu, thoái hoá v.v..., nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hoá v.v... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Công cuộc đổi mới, trong đó có việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thực sự đem lại những thay đổi to lớn, rất tốt đẹp cho đất nước trong 35 năm qua.

Trước Đổi mới (năm 1986), Việt Nam vốn là một nước nghèo lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, để lại những hậu quả hết sức to lớn cả về người, về của và môi trường sinh thái. Tôi chỉ nêu thí dụ, cho đến nay vẫn có hàng triệu người chịu các bệnh hiểm nghèo và hàng trăm ngàn trẻ em bị dị tật bẩm sinh bởi tác động của chất độc da cam/dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam. Theo các chuyên gia, phải mất đến hơn 100 năm nữa Việt Nam mới có thể dọn sạch hết bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Sau chiến tranh, Mỹ và phương Tây đã áp đặt cấm vận kinh tế với Việt Nam trong suốt gần 20 năm. Tình hình khu vực và quốc tế cũng diễn biến phức tạp, gây nhiều bất

lợi cho chúng ta. Lương thực, hàng hoá nhu yếu phẩm hết sức thiếu thốn, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, khoảng 3/4 dân số sống dưới mức nghèo khổ.

Nhờ thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỉ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Công nghiệp phát triển khá nhanh, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay chiếm khoảng 85% GDP. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỉ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỉ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỉ USD vào cuối năm 2020. Về cơ cấu nền kinh tế xét trên phương diện quan hệ sở hữu, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hiện nay gồm khoảng 27% từ kinh tế nhà nước, 4% từ kinh tế tập thể, 30% từ kinh tế hộ, 10% từ kinh tế tư nhân trong nước và 20% từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện dân số của Việt Nam là hơn 97 triệu người, gồm 54 dân tộc anh em, trong đó hơn 60% số dân sống ở nông thôn. Phát triển kinh tế đã giúp đất nước

thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 80 và cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân. Tỉ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước). Đến nay, hơn 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm, có điện lưới quốc gia, trường tiểu học và trung học cơ sở, trạm y tế và điện thoại. Trong khi chưa có điều kiện để bảo đảm giáo dục miễn phí cho mọi người ở tất cả các cấp, Việt Nam tập trung hoàn thành xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua. Hiện nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Trong khi chưa thực hiện được việc bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho toàn dân, Việt Nam tập trung vào việc tăng cường y tế phòng ngừa, phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều dịch bệnh vốn phổ biến trước đây đã được khống chế thành công. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỉ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020. Cũng nhờ kinh tế có bước phát triển nên chúng ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Đời sống văn hoá cũng được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hoá phát

triển phong phú, đa dạng. Hiện Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng Internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hoá các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển.

Như vậy, có thể nói, việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) đã nhận định, sự nghiệp đổi mới đã giành được "những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử". Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện. Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được

các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mới đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng một lần nữa lại khẳng định và nhấn mạnh: "Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng

để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới" (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 25 - 26).

Bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, chúng ta cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới trong quá trình phát triển đất nước.

Về kinh tế, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh còn thấp, thiếu bền vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; hiệu quả và năng lực của nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế; môi trường bị ô nhiễm tại nhiều nơi; công tác quản lý, điều tiết thị trường còn nhiều bất cập. Trong khi đó, sự cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt trong quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Về xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn không ít hạn chế; văn hoá, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch lại luôn tìm mọi thủ đoạn để can thiệp, chống phá, gây mất ổn định, thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng ta nhận thức rằng, hiện nay Việt Nam đang trong quá trình xây dựng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển

đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế. Bên cạnh các mặt thành tựu, tích cực, sẽ luôn có những mặt tiêu cực, thách thức cần được xem xét một cách tinh táo và xử lý một cách kịp thời, hiệu quả. Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chú trọng hơn chất lượng và tăng tính bền vững với các khâu đột phá là: Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội (Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, trang 337 - 338). Về xã hội, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hoá cho nhân dân. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái

về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, thực hiện tốt hơn nữa các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, nhằm làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội. Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.

Mặt khác, Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại. Trong thế giới toàn

cầu hoá như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Và điều hết sức quan trọng là phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học. Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống.



CƠ QUAN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỒ CHÍ MINH - HIỆN THÂN CỦA ĐỔI MỚI; TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH CỦA NGƯỜI SOI SÁNG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN TA

GS, TS. PHÙNG HỮU PHÚ

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

Mấy thập niên gần đây, nhiều học giả Việt Nam và nước ngoài đã nghiên cứu rất sâu sắc về các khía cạnh cơ bản trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, có một vấn đề rất nổi bật là phản ánh giá trị bao trùm và cống hiến đặc sắc của Người - tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới, lại chưa được đề cập đúng tầm. Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, với quyết tâm đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; vì thế, làm rõ giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới Hồ Chí Minh là công việc cấp thiết hiện nay.

Đổi mới, không ngừng đổi mới vì lợi ích của đất nước, dân tộc - sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời hy sinh, phấn đấu vô cùng cao đẹp và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cuộc đời một con người trọn đời vì dân, vì nước. Người nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹⁾. Chính lòng yêu nước nồng nàn, ý thức trách nhiệm trước vận mệnh đất nước, dân tộc là động lực thôi thúc Người nung nấu tinh thần đổi mới từ rất sớm, đổi mới không ngừng.

Ngay từ năm 1911, khi đất nước còn đắm chìm trong đêm dài nô lệ, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã quyết định đi tìm chân lý cứu nước, với một hướng đi mới, một phương pháp tiếp cận mới, phương thức hành động mới. Đi về phương Tây, tiếp thu những trào lưu tư tưởng mới, khảo nghiệm những cuộc cách mạng điển hình trên thế giới; “tắm mình” trong phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, bóc lột; đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm ra chân lý cứu nước và con đường giải phóng cho dân tộc. Đó là cuộc đổi mới vĩ đại đầu tiên của Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh, được thực hiện bằng một dự cảm thiên tài, một cuộc khảo nghiệm, đúc kết lịch

sử, cách mạng nghiêm cần, khoa học, mang ý nghĩa quyết định đến vận mệnh của đất nước và của dân tộc.



Lắng nghe lời Bác dạy - Tranh: Tư liệu

Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là Cách mạng Tháng Mười Nga; đổi mới tư duy trong xây dựng, không ngừng hoàn thiện đường lối chiến lược, sách lược cách mạng; đổi mới phương thức lãnh đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân giành độc lập, tự do; xây dựng Nhà nước cách mạng, tiến hành sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc; đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất đất nước; từng bước đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, khắc phục đói nghèo, lạc hậu,... Tư duy đổi mới, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin phù hợp với điều kiện của Việt Nam và

các nước thuộc địa, nhất là tư tưởng về Đảng Cộng sản cầm quyền, về cách mạng thuộc địa, về đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, về nhà nước dân chủ nhân dân, về chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước thuộc địa nửa phong kiến,... là những cống hiến quan trọng vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới, làm mới mẻ, sinh động và tăng thêm sức sống tiềm tàng của chủ nghĩa xã hội khoa học. Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ năm 1941, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng đến năm 1969, khi Người từ trần, là một công cuộc đổi mới liên tục của Đảng, nhân dân ta theo ngọn cờ và sự dẫn dắt của “Tổng công trình sư” đổi mới Hồ Chí Minh.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự báo, tiên liệu bối cảnh thế giới, tình hình đất nước và phác thảo những đường nét cơ bản của công cuộc kiến thiết toàn diện đất nước sau chiến tranh theo tinh thần đổi mới, thể hiện trong bản *Di chúc* bất hủ. Người tiên liệu những công việc mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quyết tâm phấn đấu thực hiện, từ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, chăm lo cho con người, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, chú trọng bồi dưỡng thế hệ trẻ, chuẩn bị thể hệ cách mạng kế cận cho đời sau, làm tròn nghĩa vụ quốc tế...; đến tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt quan tâm đến giáo dục, phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên,... Đó là sự đúc kết kinh nghiệm, bài học lịch sử, dự báo và định hướng phát triển đất nước theo tinh thần đổi mới. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là bản phác thảo những đường nét chung nhất, bao quát nhất về công

cuộc cải biến vĩ đại, nhằm xóa bỏ những gì cũ kỹ, lạc hậu, sáng tạo ra những giá trị mới, cuộc sống mới. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kết tinh trong *Di chúc* lịch sử là nền tảng tư tưởng, tinh thần của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay. Thực tiễn cách mạng Việt Nam mấy thập niên qua khẳng định tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của đổi mới, là mẫu hình để thiết kế, thi công các công trình vĩ đại của sự nghiệp cách mạng Việt Nam theo tinh thần và quyết tâm đổi mới.

Đổi mới trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Thuật ngữ và tư tưởng “đổi mới” được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập từ sớm trong tác phẩm “*Đường cách mệnh*” năm 1927; sau đó, được Người nhắc lại, làm rõ thêm trong nhiều bài viết, bài nói, nổi bật là “*Sửa đổi lối làm việc*” (năm 1947), “*Đời sống mới*” (năm 1947), “*Dân vận*” (năm 1949), đặc biệt là trong bản *Di chúc* thiêng liêng (năm 1965 - năm 1969), để lại cho toàn Đảng, toàn dân trước lúc Người đi xa. Từ các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh toát lên một hệ thống luận điểm có giá trị nền tảng và định hướng về đổi mới.

Thứ nhất, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đổi mới là bản chất của cách mạng, của phát triển. Trong “*Đường cách mệnh*”, Người chỉ rõ: “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”⁽²⁾. Nói về công cuộc kiến thiết đất nước sau khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước thắng lợi, Người nhấn mạnh: “Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ,

hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”⁽³⁾.

Thứ hai, đổi mới phải vì nước, vì dân. Triết lý đổi mới, chân lý đổi mới trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là ích nước, lợi dân. Người luôn căn dặn: “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý”⁽⁴⁾; “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁽⁵⁾.

Thứ ba, đổi mới phải xuất phát từ nhu cầu khách quan của thực tiễn, phù hợp với điều kiện thực tiễn và giải quyết hiệu quả những đòi hỏi của thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan niệm thực tiễn là xuất phát điểm của tư duy, hành động; là sự kiểm chứng chân lý khoa học. Người căn dặn: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc đấu tranh, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”⁽⁶⁾. Chính vì thế mà tìm tòi, sáng tạo cái mới, phải luôn gắn với thực tiễn, chú trọng tổng kết thực tiễn, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo tính đúng đắn của đổi mới.

Thứ tư, đổi mới là sự nghiệp lâu dài, phức tạp, gian khổ, phải kiên định, kiên quyết, kiên trì, lựa chọn những bước đi thích hợp. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói thắng đế quốc, phong kiến là tương đối dễ, thắng bần cùng, lạc hậu còn khó hơn nhiều; đấu tranh xóa bỏ cái cũ, xây dựng cái mới là công việc cực kỳ to lớn, nặng nề, phức tạp và khó khăn, do vậy, phải có kế hoạch thật tỉ mỉ, chuẩn bị chu đáo, thực hiện chắc chắn.

Thứ năm, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đổi mới không phải là phủ định sạch trơn, mà là sự kế thừa và phát triển; cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ, cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý, cái gì cũ mà tốt thì phát triển thêm, cái gì mới mà hay thì phải làm.

Thứ sáu, sức mạnh của đổi mới là nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn: “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”⁽⁷⁾; phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tinh thần cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, Việt Nam sẵn sàng là bạn của các nước dân chủ.

Thứ bảy, Đảng là linh hồn của đổi mới; cán bộ, đảng viên phải đi tiên phong trong sự nghiệp đổi mới. Đảng phải vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng của Việt Nam để thực hiện đường lối, chủ trương đúng đắn. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dạy: “Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”⁽⁸⁾. Hệ thống luận điểm về đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh được diễn đạt giản dị, dễ hiểu, nhưng hàm chứa chiều sâu, tầm cao về tư tưởng và đúc kết tinh túy đạo đức đổi mới, phong cách đổi mới của Người.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, *tư tưởng đổi mới là tư tưởng cách mạng, khoa học* trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kết hợp với tinh hoa văn hóa dân tộc, nhân loại, phản ánh và giải quyết những nhu cầu khách quan của thực tiễn đất nước; *đạo đức đổi mới là phụng sự*

Tổ quốc, phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của dân tộc, Tổ quốc lên trên hết, trước hết, đổi mới vì một nước Việt Nam độc lập, hòa bình, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh; phong cách đổi mới là kiên định, sáng tạo, dân chủ, thực tiễn, hiệu quả, nói đi đôi với làm, làm thiết thực, mang lại kết quả thực tế cho nhân dân, cho đất nước. Đó chính là những giá trị bền vững của tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh soi sáng con đường đổi mới của Đảng, của nhân dân ta

Vào giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Trước tình hình như vậy, Đảng ta quyết tâm phát động, lãnh đạo công cuộc đổi mới. Trong quá trình trải nghiệm, tìm tòi con đường đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy phát triển đất nước, Đảng ta nhận thức sâu sắc: Muốn đổi mới tư duy, Đảng phải nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đúc kết những bài học từ thực tiễn cách mạng nước ta, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, năm 1986 - Đại hội khai phóng con đường đổi mới, trên cơ sở quán triệt những luận điểm cốt lõi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nhấn mạnh các bài học “lấy dân làm gốc”; xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan; kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại; xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ⁽⁹⁾.



Đường lối đổi mới của Đảng luôn thấm nhuần sâu sắc tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã làm sáng tỏ những nhận thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta (Trong ảnh: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm mô hình nuôi tôm siêu thâm canh trong khu nhà kính ở xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu) _Ảnh : Trí Dũng – TTXVN

Trải qua hơn 35 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới; đồng thời, với việc kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng ta đặc biệt chú trọng kế thừa, cụ thể hóa tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đề ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, (năm 1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) và Văn kiện các đại hội Đảng, các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương các nhiệm kỳ từ năm 1986 đến nay. Đường lối đổi mới của Đảng luôn thấm nhuần sâu sắc tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã làm sáng tỏ những nhận thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, trở thành ngọn cờ dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, xây dựng Đảng và hệ thống

chính trị trong sạch, vững mạnh, tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thực tiễn hơn 35 năm đổi mới đã minh chứng hùng hồn rằng, nếu muốn thích ứng và đối phó xử lý thành công những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đang gặp phải trên con đường phát triển đầy khó khăn, thử thách, thì chúng ta phải không ngừng học ở Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách phát triển những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người⁽¹⁰⁾.

Hiện nay, đất nước ta bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, với những thời cơ, vận hội lớn đan xen, với không ít khó khăn, thách thức. Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững, phân đầu *“Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”*⁽¹¹⁾. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, toàn Đảng, toàn dân ta phải tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới. Với giá trị bền vững và sức sống mãnh liệt, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường, chỉ lối cho Đảng và dân tộc ta trên con đường đổi mới. Chúng ta cần quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo và phát huy những giá trị to lớn trong tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới của Người.

Một là, kiên định, vững vàng và không ngừng sáng tạo xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Muốn đổi mới thắng lợi, phải kiên định lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; kiên định nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định đường lối đổi mới và những nguyên tắc xây dựng Đảng. Kiên định, vững vàng, không dao động, “đổi mới” không “đổi màu”, không rơi vào giáo điều, bảo thủ và phải không ngừng sáng tạo. Kết hợp tổng kết sâu sắc, toàn diện thực tiễn đổi mới của đất nước với nắm bắt, dự báo chính xác những chuyển biến mau lẹ của thời cuộc, những xu hướng phát triển mới của thế giới, cập nhật những tri thức mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những bài học thành công của các nước phù hợp với điều kiện nước ta, không ngừng hoàn thiện đường lối đổi mới, làm cho đường lối đổi mới phản ánh, giải quyết đúng những đòi hỏi khách quan của thực tiễn đất nước; đồng thời, phù hợp với xu thế thời đại. Đổi mới không ngừng, đổi mới sáng tạo, đổi mới vững chắc - đó chính là sự kế thừa, phát triển tư tưởng đổi mới, biện chứng đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bối cảnh lịch sử mới.

Hai là, nền tảng đạo đức của đổi mới là lợi ích tối cao của dân tộc, của nhân dân, hạnh phúc của con người. Lấy độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất và sự giàu mạnh của quốc gia làm mục đích trên hết, trước hết; lấy quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân, sự phát triển toàn diện và hạnh phúc của con người Việt

Nam làm đạo lý đổi mới. Nhân dân là chủ thể của đổi mới và là người thụ hưởng thành quả của đổi mới; con người là mục tiêu và động lực của đổi mới. Đó chính là bản chất nhân đạo, nhân văn của đổi mới theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đó cũng là giá trị bền vững và sức sống mãnh liệt của đổi mới. Thoát ly nền tảng đạo đức thì đổi mới không còn ý nghĩa gì.

Ba là, đổi mới, phát triển là một quy luật vận động khách quan của lịch sử, là nhu cầu, khát vọng của nhân loại. Toàn cầu hóa và sự phát triển bùng nổ công nghệ thông tin, cùng hệ thống kết cấu hạ tầng toàn cầu, làm cho các quốc gia ngày càng xích lại gần nhau, tùy thuộc lẫn nhau; hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trở thành một xu thế lớn không thể đảo ngược. Tư tưởng và sự chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự gắn bó chặt chẽ cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, về việc tăng cường hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trên cơ sở hòa bình, hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi,... vẫn còn nguyên vẹn giá trị định hướng con đường đổi mới. Tranh thủ nguồn lực bên ngoài là rất quan trọng; song, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn, nguồn lực nội sinh là quyết định, ngoại lực phải kết hợp với nội lực để nhân lên sức mạnh tổng hợp quốc gia; hợp tác, hội nhập nhưng phải giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính.

Bốn là, đổi mới là một quá trình cách mạng lâu dài, gian khổ, muốn giành thắng lợi, Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng với tư cách là lực lượng lãnh đạo phải tự đổi mới, nêu gương đổi mới, trước hết là đổi mới phong cách tư

duy, phong cách lãnh đạo, để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương lớn, truyền lại bài học lớn về phong cách đổi mới; nhạy bén nắm bắt diễn biến lịch sử, chủ động tranh thủ thời cơ, giữ vững nguyên tắc và mạnh dạn sáng tạo, kịp thời đổi mới, gắn liền lý luận với thực tiễn⁽¹²⁾.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thống nhất với nhau, kết tinh thành lý luận - thực hành đổi mới. “Cống hiến lý luận của Hồ Chí Minh vừa có tính thời sự thiết thực, đáp ứng nhu cầu đương thời của cách mạng, vừa có giá trị lâu dài, là những gợi ý quan trọng và nguồn cảm hứng cho các thế hệ cách mạng về sau. Được hiểu và vận dụng một cách sáng tạo hệ thống luận điểm, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh là có khả năng thích hợp với những diễn biến mới hiện nay của lịch sử, sống và phát huy tác dụng lâu dài trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới”⁽¹³⁾. /.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 187

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 2, tr. 284

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 15, tr. 617

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 10, tr. 378

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 65

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 273

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 15, tr. 617

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 10, tr. 377

(9) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987

(10) Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam, Hội thảo quốc tế: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 183

(11) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật Hà Nội, 2021, t. I, tr. 112

(12), (13) Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 219, 180 - 181



**BÁO ĐIỆN TỬ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**



THỜI SỰ | LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC | XÂY DỰNG ĐẢNG | TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA | KINH TẾ | XÃ HỘI | NÓI HAY ĐỪNG | CÙNG BÀN LUẬN | BAN ĐỌC | BIỂN ĐẢO VIỆT NAM | ĐỐI NGOẠI | THẾ GIỚI | MULTIMEDIA

VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG BÁC ĐÃ CHỌN

T.Huyền

Cách đây hơn một thế kỷ, từ bến cảng Nhà Rồng, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành lên tàu ra đi tìm đường cứu nước và đã tìm thấy con đường đi của độc lập, tự do, hạnh phúc, của chủ nghĩa xã hội. Dân tộc Việt Nam vẫn đang tiếp tục vững bước trên con đường Bác chọn.

Người đi tìm hình của nước

Cách đây hơn 1 thế kỷ, từ bến cảng Nhà Rồng, một sự kiện lịch sử quan trọng, có ý nghĩa và tầm vóc lớn lao đối với tiến trình giải phóng dân tộc Việt Nam là việc Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc bước lên con tàu Latuser Torêvin sang phương Tây ngày 5/6/1911. Khi bước chân ra đi, người thanh niên yêu nước mang trong mình một khát vọng cháy bỏng tìm đường cứu nước khỏi ách thống trị thực dân, phong kiến “*Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu*”.



Bến cảng Nhà rồng - nơi Bác Hồ rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Ảnh tư liệu

Sinh ra trong gia đình trí thức phong kiến có truyền thống yêu nước, trên vùng quê hương cách mạng, lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, Nguyễn Tất Thành sớm mang trong mình lòng yêu nước thương dân và có tầm nhìn vượt xa những “lối mòn cứu nước” của các bậc tiền bối.

Có thể khái quát một số hoạt động bước ngoặt quan trọng trong hành trình cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Lúc đầu, Người làm nghề phụ bếp rồi sau đó là công nhân trên tàu buôn Pháp, rồi đi qua 3 đại dương, bốn châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ và gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố lớn nhỏ, tiếp xúc với nhiều dân tộc, nhiều nền văn hóa, vừa lao động kiếm sống, vừa học tập lý luận và hoạt động xã hội. Nguyễn Ái Quốc dần dần hiểu rõ bối cảnh của thế giới và xác định được hành trình con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam.

Trong cuộc hành trình ba thập kỷ bôn ba nước ngoài đi tìm đường cứu nước, bước ngoặt lịch sử của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là sau gần 10 năm khi rời bến cảng Nhà Rồng, năm 1920, Người đã đến được với chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định đi theo con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc, đưa lại hạnh phúc cho nhân dân. “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế

thứ ba”. Tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (tháng 12 năm 1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập quốc tế thứ ba (quốc tế Cộng sản do Lê-nin thành lập). Đây cũng là sự kiện Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp, chính thức là người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ lập trường yêu nước chuyển sang lập trường cộng sản.

Ở Pháp, Người cũng tích cực tham gia Hội những người Việt Nam yêu nước và là một trong những người sáng lập - Tổng thư ký của Hội. Báo cáo của mật thám Pháp đã xác nhận Nguyễn Ái Quốc đã trở thành linh hồn của tổ chức này, mặc dù trên hình thức thì hai nhà yêu nước họ Phan lãnh đạo; đồng thời Người cũng là hạt nhân của cộng đồng người Việt Nam yêu nước tại Pháp.

Từ đây, Nguyễn Ái Quốc trăn trở tìm đường về nước để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam. "Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập" (năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã viết thư gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp).

Sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc đã trở về Tổ quốc. Sự kiện này đã đáp ứng những đòi hỏi khách quan của phong trào cách mạng trong nước, sự phát triển của tiến trình lịch sử đấu tranh giành độc lập, giải phóng dân tộc Việt Nam và cả đối với các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Từ đây, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, cách mạng Việt Nam đã giành nhiều thắng lợi, có ý nghĩa lịch sử trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là tiền đề để Đảng ta lãnh đạo đất nước giành những thắng lợi, thành tựu có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là những thành tựu to lớn và toàn diện của hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới ngày nay.

Giá trị Hồ Chí Minh

Cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý giá. Tại Giao lưu trực tuyến “Người là niềm tin tất thắng” do Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ngày 17/5 nhân kỷ niệm 131 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đều khẳng định giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Giá trị đầu tiên, rất quý báu trong cuộc đời và sự nghiệp của Người, đó là động cơ lẽ sống, sự lựa chọn giá trị sống vì nước, vì dân. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta bài học về giá trị niềm tin. Người có niềm tin mãnh liệt vào tương lai của Tổ quốc, tin vào dân tộc mình, tin vào sức sáng tạo của Nhân dân mình và tin vào chiều hướng phát triển tốt đẹp của lịch sử. Bài học tri thức, khoa học của Người cũng là điều chúng ta phải suy ngẫm. Ngoài phương pháp sáng tạo về mặt khoa học, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, phải đồng thời tìm được những lực lượng, những biện pháp để thực hiện cho được lý tưởng cao quý. Con đường tìm đường cứu nước, phương pháp hoạt động cách mạng của Bác rất bài bản, khoa học, sáng tạo, thiên

biến vạn hóa nhưng vẫn mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với diễn biến đổi thay của cuộc sống.



Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội toàn quốc Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tua (Pháp), tháng 12-1920

Ảnh tư liệu

GS TS Hoàng Chí Bảo, nguyên Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, chuyên gia cao cấp Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cho rằng: “Bài học mà tôi cho là rất sâu sắc, đó là vấn đề đạo đức, Người còn có cả một triết lý rất sâu sắc là “ai có đạo đức thì người đó dễ tiếp thu, chính lý hơn”. Đặc biệt, trong cuộc đời, sự nghiệp của mình, Bác là một minh chứng mẫu mực về việc nhất quán giữa nói và làm. Đây là bài học vô cùng có giá trị, để biến mọi ước mơ trở thành sự thật”.

Cuộc đời Bác, sự nghiệp của Bác trở thành minh chứng sống động cho việc nếu con người ta có hoài bão, ước mơ, có niềm tin, trí tuệ và lòng quyết tâm, thì việc khó đến mấy cũng có thể làm được. Có lẽ chính vì thế, Hồ Chí Minh trở thành cái tên truyền cảm hứng lớn nhất trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước.

Giá trị Hồ Chí Minh, vì thế, cũng được tôn vinh, nhân rộng và phát triển thông qua các đợt học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Thực tiễn cũng đã chỉ ra rằng, việc học và làm theo Bác những năm qua đã thu được nhiều kết quả tích cực. Ngay sau khi Bác mất, Đảng ta đã phát động đợt

sinh hoạt chính trị “Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch” theo Chỉ thị số 173-CT/TW, ngày 29/9/1969 Bộ Chính trị. Đảng ta khẳng định “*Hồ Chủ tịch qua đời, nhưng Người đã để lại cho chúng ta một di sản rất quý báu. Đó là sự nghiệp vĩ đại, tư tưởng, đạo đức và tác phong của Người. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quyết tâm làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà*”. Bác ra đi, sự mất mát lớn lao đó đã được Đảng ta biến thành ngọn lửa thổi bùng ý chí lao động, chiến đấu của quân và dân ta, làm nên chiến thắng lịch sử vào mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 7/11/2006, nhận thấy sự cần thiết phải tổ chức cuộc vận động học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh để đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng, bồi đắp nền tảng tinh thần của xã hội, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã ký ban hành Chỉ thị 06-CT/TW. Sau 4 năm thực hiện Cuộc vận động, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhận định “*Cuộc vận động đã đi vào cuộc sống, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và bước đầu tạo chuyển biến trong việc làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua triển khai Cuộc vận động, vấn đề đạo đức và rèn luyện đạo đức đã được đặt ra một cách nghiêm túc, toàn diện trong Đảng và toàn xã hội, đặc biệt là trong công tác xây dựng Đảng*”.

Để tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động, ngày 14/5/2011, Đảng ta ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW về *“Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*; ngày 15/5/2016, ban hành Chỉ thị 05-CT/TW về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*. Để thực hiện Chỉ thị 05, Ban Bí thư khóa XII ban hành Kế hoạch số 03-KH/TW xác định chủ đề thực hiện 05 trong từng năm. Kết quả của việc học và làm theo Bác được thể hiện khá rõ ràng với hàng chục nghìn điển hình tiên tiến, mô hình hay được tôn vinh, khen thưởng và lan tỏa tới toàn xã hội; công cuộc phòng chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và xã hội được đẩy mạnh, qua đó phát hiện và đưa ra pháp luật hàng nghìn vụ án tham nhũng, hàng nghìn cán bộ tham nhũng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Vững bước trên con đường Bác đã chọn

Trong bài viết Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng viết: *“Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và*

hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc”.



“Chưa bao giờ Việt Nam có vị thế và cơ đồ vững chắc như hiện nay”. Ảnh minh họa: TTXVN

Những thành tựu đất nước và dân tộc giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng trong suốt chiều dài lịch sử hơn 90 năm qua đủ để khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển của nhân loại.

Từ một nước bị tàn phá nặng nề sau chiến tranh, dân tộc Việt Nam đã đi đúng định hướng, xây dựng nên một nước Việt Nam có tốc độ phát triển nhanh (trung bình 7%/năm), đặc biệt sau thời kỳ đổi mới (1986). Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỉ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỉ USD vào cuối năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước).

Hiện nay, trong bối cảnh quốc tế, khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, các nước điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng

với tình hình mới, các thế lực thù địch tăng cường chống phá, tình hình tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông tiếp tục diễn ra phức tạp, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước ta. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Kiên định với con đường đã lựa chọn, nhưng trong bài viết "Chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới", đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng lưu ý "*Cần nắm vững và xử lý tốt mối quan hệ giữa kiên định và đổi mới, vận dụng sáng tạo. Nếu chỉ "kiên định" một cách máy móc thì dễ dẫn đến giáo điều, cứng nhắc, bảo thủ, nhưng nếu không kiên định, mà "đổi mới"*

một cách vô nguyên tắc thì cũng rất dễ rơi vào chủ nghĩa xét lại, chệch hướng, "đổi màu". Cho nên phải hiểu rõ, vận dụng đúng phương pháp biện chứng của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Kiên định phải gắn liền với sáng tạo và sáng tạo phải trên cơ sở kiên định phù hợp với thực tiễn, với yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước".

Đồng chí Tổng Bí thư khẳng định, xây dựng chủ nghĩa xã hội "*là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội*". Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân.

Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học./.



TẠP CHÍ
Quốc phòng
toàn dân

CƠ QUAN LÝ LUẬN QUÂN SỰ, CHÍNH TRỊ CỦA QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG VÀ BỘ QUỐC PHÒNG

Tòa soạn:
38A Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (0243) 8.457.044; (069) 552.364
Fax: (0243) 7.479.956

[Vấn đề chung](#)
[Đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống](#)
[Tổng kết thực tiễn](#)
[Bình luận - Phê phán](#)
[Nghiên cứu - Tìm hiểu](#)
[Thông tin - Tư liệu](#)

Thứ Năm, 03/06/2021, 13:35 (GMT+7)

CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA BÁC MỤC TIÊU, LÝ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Thiếu tướng, TS. ĐỖ HỒNG LÂM

Tổng Biên tập Tạp chí Quốc phòng toàn dân

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp bắt tay vào khai thác thuộc địa lần thứ nhất; xã hội Việt Nam bắt đầu có những biến chuyển và phân hoá. Các phong trào yêu nước

chống Pháp của nhân dân ta diễn ra đa dạng, sôi nổi: phong trào có khuynh hướng dân chủ tư sản Đông Du, Đông kinh Nghĩa Thực, Duy Tân, Việt Nam Quang Phục Hội; phong trào chống sưu

thuế của nông dân ở Trung kỳ; phong trào đánh Pháp: vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Yên Thế, v.v. Tuy nhiên, các phong trào yêu nước chống Pháp trên đều thất bại. Nguyên nhân sâu xa là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn, khoa học và sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến. Cách mạng Việt Nam đứng trước cuộc khủng hoảng trầm trọng về đường lối cứu nước.

Nguyễn Tất Thành rất khâm phục tinh thần yêu nước của các sĩ phu, văn thân, chí sĩ xả thân vì nước, nhưng Người không tán thành đường lối cứu nước của các bậc tiền bối. Người cho rằng, chủ trương của cụ Phan Chu Trinh yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương chẳng khác gì “đến xin giặc rửa lòng thương”; chủ trương của cụ Phan Bội Châu nhờ Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp chẳng khác nào “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”; chủ trương của cụ Hoàng Hoa Thám tuy thực tế hơn, nhưng không có hướng thoát rõ ràng, “còn mang nặng cốt cách phong kiến”. Chính vì thế, ở Việt Nam lúc này không thể cứu nước trên lập trường phong kiến hay lập trường của giai cấp tư sản, tiểu tư sản. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đang đòi hỏi được đổi mới, đó là một nhu cầu cấp thiết của dân tộc lúc bấy giờ.

Sinh ra là lớn lên trong một gia đình có truyền thống hiếu học, một địa phương có truyền thống yêu nước, lúc còn nhỏ, Nguyễn Tất Thành sớm được tiếp cận với các tư tưởng lớn của phương Đông, hấp thụ vốn văn hóa truyền thống của dân tộc, Hán học và bước đầu tiếp xúc với văn hoá phương Tây. Chứng kiến cảnh khổ cực của người dân mất nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của thế hệ

đi trước, Người càng yêu nước, thương dân tộc mình sâu sắc và hun đúc những hoài bão lớn lao. Vốn có tư chất thông minh, tinh thần ham học hỏi, khả năng tư duy độc lập, tính ham hiểu biết và nhạy bén với cái mới, Người bị lôi cuốn bởi khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái” và thôi thúc bởi ý định tìm hiểu “cái gì ẩn giấu sau” những từ đẹp đẽ đó ở chính nước sinh ra khẩu hiệu đó. Đó chính là những lý do Nguyễn Tất Thành quyết định chọn nước Pháp, chọn châu Âu làm điểm đến đầu tiên trong cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước năm 1911.

Hành trang ban đầu của Nguyễn Tất Thành khi ra nước ngoài là tri thức về văn hoá phương Đông và phương Tây, lòng yêu nước nhiệt thành, tiếp thu có chọn lọc con đường cứu nước của các nhà yêu nước lớp trước và một dự định rõ rệt, lớn lao, đó là “xem nước Pháp và các nước khác, sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta”. Gần mười năm, vừa lao động kiếm sống, vừa tiến hành khảo sát thực tiễn nhiều nước tư bản và các nước thuộc địa, khảo sát các cuộc cách mạng ở các nước Pháp, Anh, Mỹ,... Nguyễn Tất Thành đã có nhận thức quan trọng là: cách mạng tư sản là những cuộc cách mạng vĩ đại, nhưng là những cuộc cách mạng chưa đến nơi; nó xây dựng lên một chế độ mới tiến bộ hơn xã hội phong kiến, nhưng cách mạng xong rồi dân chúng vẫn khổ, vẫn bị áp bức, bóc lột và vẫn mưu toan làm cách mạng. Từ những hoạt động thực tiễn trên và sau khi đọc “Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” của V.I.Lênin đăng trên báo L’Humanité tháng 7/1920 đã giải đáp cho Người những băn khoăn về con đường giành độc lập, tự do cho dân tộc, trả lời

câu hỏi ai là người lãnh đạo, lực lượng tham gia và mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc, ... đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.



Nguồn: vhtcs.org.vn

Quá trình tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin của Nguyễn Ái Quốc ngày càng có hệ thống và hoàn thiện khi Người tham gia Đảng Cộng sản Pháp, học tập ở Đại học phương Đông, sống trong không khí sục sôi ở trung tâm phong trào cộng sản ở Nga, hoạt động trong Quốc tế Cộng sản. Nhận thức của Người về sức mạnh của nhân dân lao động thế giới, về mối quan hệ giữa các dân tộc bị áp bức, giữa cách mạng ở các nước thuộc địa và các nước chính quốc trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, về chính quyền cách mạng và sử dụng bạo lực cách mạng,... ngày càng sâu sắc và có những luận điểm bổ sung, phát triển, sáng tạo. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp tháng 12/1920 là một mốc lịch sử quan trọng trong hành trình đi tìm đường cứu nước của Người; đánh dấu bước chuyển biến quyết định, nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị: từ một nhà yêu nước

chân chính trở thành một chiến sĩ cộng sản.

Cùng với tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, đầu năm 1924, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc bắt đầu xây dựng những nhân tố bảo đảm cho cách mạng Việt Nam: truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam; khơi dậy tinh thần đấu tranh của các tầng lớp nhân dân; xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát triển lực lượng cách mạng, v.v. Việc Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt do Người dự thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chứng tỏ ngay từ năm 1930, tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam đã được hình thành cơ bản. Sau hơn 30 năm xa Tổ quốc, ngày 28/01/1941, Nguyễn Ái Quốc trở về nước để trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng. Một trang mới mở ra trong cuộc đời cách mạng của Người và cũng là bước ngoặt mới cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam: chấm dứt khủng hoảng đường lối cứu nước triền miên từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX; tìm thấy đường lối phát triển đúng đắn cho dân tộc, phù hợp với trào lưu tiến hoá chung của nhân loại và xu thế của thời đại - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ lòng yêu nước ra đi tìm đường cứu nước, trên con đường đầy gian truân, thử thách, Hồ Chí Minh đã đi khắp các châu lục, khảo sát nhiều nước thuộc địa và các nước tư bản phát triển Mỹ, Anh, Pháp, v.v. Người thấy rằng: cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ là cách mạng tư sản, cách mạng không đến nơi, không giải phóng những người lao động mà lại đi áp bức các dân tộc khác.

Cách mạng Việt Nam không thể đi theo con đường đó và chỉ có Cách mạng Tháng Mười Nga mới thành công đến nơi, mang lại tự do, bình đẳng thật sự cho người dân lao động và giúp đỡ giải phóng các dân tộc thuộc địa. Từ đó, Người đi đến kết luận: Cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga - con đường cách mạng vô sản. Con đường đó được Người khẳng định rõ ràng trong những văn kiện thông qua tại Hội nghị hợp nhất ngày 03/02/1930 *“làm tư sản dân quyền cách mệnh và thổ địa cách mệnh để đi tới xã hội cộng sản”*. Sự xác định trên đây của Hồ Chí Minh là một sáng tạo lớn về con đường cách mạng ở một nước thuộc địa nửa phong kiến - con đường giải phóng dân tộc một cách triệt để: *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Đó là kết quả tất yếu quá trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh; sự lựa chọn duy nhất đúng, phù hợp với đòi hỏi và nguyện vọng chính đáng của dân tộc Việt Nam, xu thế phát triển của thời đại.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu khách quan, luôn được Đảng ta vận dụng đúng đắn, sáng tạo, trở thành phương châm hành động qua từng giai đoạn cách mạng, trở thành ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam liên tục giành những thắng lợi lịch sử suốt hơn 90 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) tại Đại hội XI của Đảng (2011) khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh phù

hợp với xu thế phát triển của lịch sử”. Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.”¹

Từ ngày Bác ra đi tìm đường cứu nước đã 110 năm và 80 năm Bác về nước lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, mặc dù thời cuộc đã có những thay đổi sâu sắc, chủ nghĩa xã hội đã lâm vào thoái trào, song tư tưởng của Người về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo thực tiễn. Đặc biệt, trước tình hình thế giới, khu vực hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song diễn biến thay đổi hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo; các mâu thuẫn cơ bản của thời đại tiếp tục tồn tại và phát triển. Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm. Các nước lớn vừa hợp tác, vừa thỏa hiệp, vừa đấu tranh kiềm chế lẫn nhau và can dự, chi phối vào nội bộ các nước khác. Các yếu tố an ninh phi truyền thống vẫn tiếp diễn phức tạp; xuất hiện nhiều hình thái chiến tranh mới, làm thay đổi môi trường chiến lược, tác động sâu sắc tới mọi quốc gia, dân tộc. Ở trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của Việt Nam ngày

càng được củng cố, nâng cao. Tuy nhiên, đất nước phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là khi hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị tăng cường hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam, với âm mưu, thủ đoạn ngày càng công khai, trực diện hơn, v.v. Tất cả những điều đó, chi phối không nhỏ đến sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, làm cho việc giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đứng trước những khó khăn, thử thách. Bởi vậy, việc tiếp tục quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu, lý tưởng cách mạng trong tình hình hiện nay là yêu cầu khách quan, dù trong tình huống nào cũng phải giữ vững.

Trước hết, phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam hơn 90 năm qua đã khẳng định, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thành công, đảm bảo cho con thuyền cách mạng Việt Nam đi đúng hướng, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của dân tộc, nhân dân Việt Nam và xu hướng của thời đại. Trong tình hình hiện nay, để giữ vững vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng phải luôn tự đổi mới, chỉnh đốn, xây dựng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; thường xuyên trau dồi tư duy, bản lĩnh, trí tuệ; vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào tình hình thực tiễn của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc để đề ra cương lĩnh, chủ trương, biện pháp lãnh đạo đất nước cho phù hợp với quy luật khách quan và nhu cầu của đời sống xã hội. Đội ngũ cán bộ, đảng

viên của Đảng thực sự “vừa hồng”, “vừa chuyên”, là “công bộc” của dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, có ý chí, khát vọng vươn lên hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Đảng phải thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền đối với Nhà nước và xã hội, bám sát thực tiễn, nắm tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Hai là, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong tiến trình đổi mới. Sự nghiệp đổi mới của đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã mang lại thành tựu hết sức quan trọng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã khẳng định tính ưu việt của nó, đó là phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội, vị thế đất nước được nâng cao trên trường quốc tế, v.v. Nhằm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong tiến trình đổi mới, hội nhập, cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn: giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế,

bảo đảm kỷ cương xã hội, v.v. Đó là những mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta, cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và phát triển phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn; đòi hỏi phải được nhận thức đúng, đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, hiệu quả.

Ba là, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Một trong những trọng tâm phát triển đất nước mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: “Giữ vững độc lập, tự chủ; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh;... kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biên, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”². Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Đây là mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Xây dựng, phát triển đất nước tốt sẽ có điều kiện tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, khu vực phòng thủ vững chắc để sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống; ngược lại, có nền quốc phòng vững chắc, sẽ tạo môi trường ổn định để thực hiện các chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, khơi dậy mọi tiềm năng, lợi thế của đất nước trong quá trình hội nhập và phát triển.

Để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cần tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, từ năm

2030, phấn đấu xây dựng Quân đội hiện đại; Xây dựng “thế trận lòng dân”, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc làm nền tảng cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có sức chiến đấu cao.

Bốn là, tích cực đấu tranh chống lại quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, về độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội nói riêng. Để chống phá cách mạng Việt Nam, một trong những thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch là ra sức xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng đâu tìm mọi cách, lúc trắng trợn, lúc tinh vi, chúng nhất định không lừa dối được nhân dân Việt Nam và những người có lương tri trên toàn thế giới. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam và cách mạng Việt Nam.

Đã có rất nhiều chiến dịch quy mô quốc tế, dưới nhiều phương thức khác nhau, nhằm bôi đen, xuyên tạc, vu khống các vị lãnh tụ cách mạng Việt Nam, nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng cho rằng, Hồ Chí Minh thực chất chỉ là người “dân tộc chủ nghĩa”; tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Người là “phi nhân tính”, v.v. Từ đó, chúng suy luận: “Nhân dân Việt Nam đi theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh là sai lầm, là đi vào ngõ cụt”, v.v. Thực hiện những thủ đoạn trên, chúng thường sử dụng phương pháp viết truyện, hồi ký, viết báo, mở “diễn đàn”,... thông qua blog cá nhân, nhất là các trang mạng của

các tổ chức phản động ở nước ngoài để kích động, nói xấu, phủ nhận tư tưởng, con người Hồ Chí Minh đi liền với phủ nhận con đường cách mạng Việt Nam. Thực ra, tác dụng của sự xuyên tạc từ những kẻ cơ hội, bất mãn này không thực sự lớn. Người đọc, người nghe tinh ý đều thấy rõ bản chất, thái độ, động cơ chính trị của chúng, nên không mấy người tin vào những điều hồ đồ như vậy.

Để chống lại thủ đoạn đó, trước hết, chúng ta cần đẩy mạnh việc nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp trong thực tiễn; đồng thời, chú trọng hơn nữa công tác sưu tầm, xử lý những thông tin, tư liệu, tài liệu liên quan đến Người ở cả trong và ngoài nước. Cùng với đó, cần quan tâm làm tốt công tác giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, nhất là đối với thế hệ trẻ về thân thể, sự

nghiệp và các giá trị văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh. Đối với Quân đội ta, hơn lúc nào hết, trong giai đoạn hiện nay, cán bộ, chiến sĩ càng phải vững vàng về chính trị, tư tưởng, nắm chắc tay súng để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhân dân. Muốn vậy, cán bộ, chiến sĩ phải không ngừng học tập, rèn luyện về mọi mặt, trước hết là về tư tưởng, bản lĩnh chính trị; nhận diện rõ đối tượng, đối tác, cái tốt, cái xấu, những giá trị chân - thiện - mỹ; kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng, làm thất bại luận điệu xuyên tạc thân thể, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh.

1 - ĐCSVN - Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb CTQGST, H. 2021, tr.25.

2 - Sdd - Tập I, tr.48.

PHẦN III: THƯ MỤC SÁCH VỀ LÃNH TỰ NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGƯỜI

1. Lên án chủ nghĩa thực dân : Một số bài báo và văn kiện của đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết trong thời kỳ hoạt động ở nước ngoài từ 1922 đến 1926 / Nguyễn Ái Quốc. - H. : Sự thật, 1959. - 191tr.; 19cm

Tóm tắt: Giới thiệu một số bài báo và văn kiện của đ/c Nguyễn Ái Quốc trong thời kỳ hoạt động ở nước ngoài từ 1922 đến 1926.

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | BÀI BÁO | VĂN KIẾN | CHỦ NGHĨA THỰC DÂN**

▪ Ký hiệu phân loại: **335.4346 / L254A**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVV.008130**

▪ **PHÒNG MU'ON**

- Còn trong kho: **MVV.005389; MVV.005390**

2. Đây "Công lý" của thực dân Pháp ở Đông - Dương! : Một số bài viết trong những năm từ 1921 đến 1926 / Nguyễn Ái Quốc. - H. : Sự thật, 1962. - 98tr; 19cm

Tóm tắt: Giới thiệu những bài báo, bài viết bóc trần một cách toàn diện những chính sách tàn bạo của đế quốc Pháp ở Đông Dương về phương diện: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội. Những nét chính về phong trào đấu tranh cách mạng ở Đông Dương chống chủ nghĩa thực dân Pháp của nhân dân Đông Dương. Phương hướng cơ bản của cách mạng Đông Dương

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | BÀI VIẾT | PHONG TRÀO CÁCH MẠNG | CHÍNH SÁCH | THỰC DÂN PHÁP | VIỆT NAM**

▪ Ký hiệu phân loại: **335.4346 / Đ126C**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVV.013110**

3. Truyện và ký / Nguyễn Ái Quốc; Phạm Huy Thông dịch và giới thiệu. - H. : Văn học, 1974. - 48tr.; 19cm

Tóm tắt: Giới thiệu tập truyện và ký của Nguyễn Ái Quốc bằng nguyên văn tiếng Pháp và dịch sang tiếng Việt.

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | VĂN HỌC HIỆN ĐẠI | TRUYỆN NGẮN | TRUYỆN KÍ**

▪ Ký hiệu phân loại: **895.922332 / TR527V**

▪ **PHÒNG MU'ON**

- Còn trong kho: **MVV.001999; MVV.002000**

4. Bản án chế độ thực dân Pháp / Nguyễn Ái Quốc. - In lần thứ 2. - H. : Sự thật, 1975. - 188tr; 19cm

Tóm tắt: Những giá trị lớn của tác phẩm góp phần vào nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ sau này

- Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH | TÁC PHẨM | CHẾ ĐỘ | THỰC DÂN PHÁP**
- Ký hiệu phân loại: **3K5H3 / B105A**
- **PHÒNG MU'ON**
- Còn trong kho: **MVV.013982**

5. Hồ Chí Minh tuyển tập / Hồ Chí Minh. - H. : Sự thật, 1980. - 20cm
T.1 : 1920-1954. - 618tr.

Tóm tắt: Giới thiệu các bài viết và tác phẩm phản ánh cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ khi ở Pháp Liên Xô, Trung Quốc về nước và tư tưởng, đường lối chiến lược, sách lược của Người trong thời kỳ sôi động và thử thách của Cách mạng Việt Nam từ 1920 đến 1954.

- Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | TUYỂN TẬP**
- Ký hiệu phân loại: **335.4346 / H450CH**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
- Còn trong kho: **DVL.003377**

6. Đường cách mệnh / Nguyễn Ái Quốc. - H. : Sự thật, 1982. - 145tr.; 19cm

Tóm tắt: Đề cương bài giảng của Nguyễn Ái Quốc về: phong trào công nhân, phong trào yêu nước; Chuẩn bị tư tưởng thành lập đảng ở Việt Nam; Tư cách người cách mạng; Lịch sử cách mạng: Mỹ, Nga, Pháp, các tổ chức quốc tế, công hội và dân cày

- Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | ĐƯỜNG CÁCH MỆNH | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH | ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG**
- Ký hiệu phân loại: **335.4346 / Đ561C**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
- Còn trong kho: **DVV.011753**

7. Những bài đăng trên báo LeParia (Người cùng khổ) / Nguyễn Ái Quốc. - H. : Sự thật, 1987. - 143tr; 19cm

Tóm tắt: Giới thiệu 37 bài báo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo "người cùng khổ" về tư tưởng chính trị, đường lối cách mạng giải phóng dân tộc theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin; Sự phê phán chủ nghĩa thực dân; Vấn đề dân tộc và thuộc địa

- Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | BÀI BÁO | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH | GIẢI PHÓNG DÂN TỘC**
- Ký hiệu phân loại: **335.4346 / NH556B**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
- Còn trong kho: **DVV.011236; DVV.011237; DVV.011238**

8. **Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước** / Thanh Đạm chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 1994. - 200tr.; 19cm

Tóm tắt: Những mẫu chuyện, tư liệu lịch sử viết về giai đoạn hoạt động của Bác 1924-1945, thời kì Bác trên đường trở về nước, xây dựng căn cứ địa cách mạng tại Pác Bó tiến tới tổng khởi nghĩa thắng lợi.

- Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH | HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG | VIỆT NAM**
- Ký hiệu phân loại: **959.7032 / NG527A**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
- Còn trong kho: **DVV.000378; DVV.000379**

9. **Nguyễn Ái Quốc - những năm tháng ở nước ngoài** / Đặng Hòa. - Tái bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2005. - 135tr; 21cm. - (Kỷ niệm 115 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Tóm tắt: Gồm 25 câu chuyện, được sắp xếp theo trình tự thời gian từ ngày 5 tháng 6 năm 1911 đến ngày 28 tháng 1 năm 1941 viết về quá trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong thời gian trên.

- Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | LỊCH SỬ | SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG | HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG**
- Ký hiệu phân loại: **959.703092 / NG527A**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
- Còn trong kho: **DVL.004785**
- **PHÒNG MU'ON**
- Còn trong kho: **MVL.004581**

10. **Nguyễn Ái Quốc ở Pháp 1917-1923** / Nguyễn Phan Quang. - H. : Công an nhân dân, 2005. - 252tr; 21cm. - (Kỷ niệm 115 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Tóm tắt: Gồm những tư liệu mới và ảnh sao chụp văn bản gốc về thời gian Người hoạt động cách mạng tại Pháp (1917-1923).

- Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | TIỂU SỬ | SỰ NGHIỆP | HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG | PHÁP**
- Ký hiệu phân loại: **959.703092 / NG527A**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
- Còn trong kho: **DVL.004787**
- **PHÒNG MU'ON**
- Còn trong kho: **MVL.004583**

11. **Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử** / Biên soạn: Nguyễn Huy Hoan chủ biên, Chương Thâu, Ngô Văn Tuyền, Nguyễn Trọng Thu. - Xuất bản lần thứ 2, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị Quốc gia, 2006. - 21cm

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh
T.1 : 1890-1929. - 456tr.

Tóm tắt: Giới thiệu những sự kiện tiêu biểu về tiểu sử và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ thời niên thiếu đến thời kỳ chuẩn bị thành lập Đảng (đầu năm 1930).

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969** | **TIỂU SỬ** | **HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG** | **SỰ KIỆN LỊCH SỬ** | **VIỆT NAM**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.703092 / H450CH**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.007903**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Đã cho mượn: **MVL.008324**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Đã cho mượn: **LC.017288**

12. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trên đường sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam / PGS.TS. Lê Văn Yên. - H. : Công an nhân dân, 2009. - 151tr; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu con đường hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh – từ người yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản, đóng góp cho phong trào cộng sản quốc tế, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và những sáng tạo trong việc thành lập Đảng ta

▪ Từ khóa: **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** | **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969** | **HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG** | **LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.704 / NG527A**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.009534**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.010404**; **MVL.010405**; **MVL.010406**

13. Hồ Chí Minh biên niên hoạt động 1911-1929 / Đỗ Hoàng Linh biên soạn. - H. : Văn hóa thông tin, 2010. - 282tr.; 21cm. - (Bộ sách Kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Tóm tắt: Ghi lại những hoạt động chính trong quãng thời gian hơn 18 năm (1911 - 1929) vô cùng phong phú, sinh động từ một anh thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành trở thành một nhà cách mạng quốc tế Nguyễn Ái Quốc.

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH. 1890-1969** | **HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG** | **LỊCH SỬ** | **VIỆT NAM** | **BIÊN NIÊN SỰ KIỆN**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.703092 / H450CH**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.010073**

▪ **PHÒNG MƯỢN**

- Còn trong kho: **MVL.010854**; **MVL.010855**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Còn trong kho: **LC.022512**; **LC.022513**

14. **Hồ Chí Minh - Một biên niên sử** / Hellmut Kapfenberger; Người dịch: Đinh Hương, Thiên Hà. - H. : Thế giới, 2010. - 323tr.; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu những chặng đường đời của Hồ Chí Minh từ cậu bé Nguyễn Sinh Cung, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành, hay Nguyễn Ái Quốc và cuối cùng là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc đời hoạt động sôi nổi của Người gắn với những giai đoạn phát triển quan trọng của lịch sử dân tộc Việt Nam, của Cách mạng Việt Nam, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản - công nhân quốc tế.

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | CUỘC ĐỜI | SỰ NGHIỆP | VIỆT NAM**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.704092 / H450CH**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Còn trong kho: **LC.033509**

15. **30 năm tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc** / Phạm Quý Thích. - H. : Thanh niên, 2010. - 331tr; 21cm. - (Bộ sách kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Tóm tắt: Ghi lại chặng đường hơn 30 năm bôn ba nước ngoài tìm đường cứu nước của Bác Hồ. Cung cấp những thông tin xác thực về công việc gìn giữ thi hài Bác.

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI | HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG | VIỆT NAM**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.703092 / B100M**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.010069**

▪ **PHÒNG MU'ON**

- Còn trong kho: **MVL.010846; MVL.010847**

▪ **PHÒNG TỰ CHỌN**

- Còn trong kho: **LC.022504; LC.022505**

16. **Dấu ấn của nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc** : Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ kính yêu ra đi tìm đường cứu nước (05/6/2011), 86 năm ngày báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2011) / Sưu tầm, biên soạn: GS.Đỗ Quang Hưng, TS.Nguyễn Văn Khoan. - H. : Thông tin và truyền thông, 2011. - 343tr; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu 26 bài viết của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh theo thời gian sớm nhất từ (1919) tới bài cuối cùng (1969) về vấn đề giải phóng dân tộc của một số nước được vận dụng, liên hệ vào cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam và 12 bài viết của một số nhà khoa học nghiên cứu về bài báo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC | BÁO CHÍ | LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI | THẾ GIỚI | VIỆT NAM**

▪ Ký hiệu phân loại: **959.7 / D125A**

▪ **PHÒNG ĐỌC TH**

- Còn trong kho: **DVL.012167**
- **PHÒNG MU'ON**
- Còn trong kho: **MVL.013360**; **MVL.013361**

17. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với nước Nga.** - H. : Chính trị quốc gia, 2013. - 215tr. : Ảnh; 21cm

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giao Trung ương. Bảo tàng Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Trình bày một cách khá toàn diện, đầy đủ về những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ở nước Nga trong những năm đầu thế kỷ XX. Đặc biệt, giới thiệu những công trình văn hóa tưởng niệm về Hồ Chí Minh ở nước Nga, do nhân dân Nga tôn vinh xây dựng, như là một phần không thể thiếu của cội nguồn tình hữu nghị, hợp tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Liên Xô trước đây.

▪ Từ khóa: **LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI | HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | VIỆT NAM | HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG | NHÂN VẬT LỊCH SỬ | SỰ NGHIỆP | NGÀ**

- Ký hiệu phân loại: **957.04 / S550Đ**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
- Còn trong kho: **DVL.021200**
- **PHÒNG MU'ON**
- Còn trong kho: **MVL.022562**; **MVL.022563**

18. **Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam :** Sách chuyên khảo / Phạm Quốc Thành. - H. : Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014. - 200tr; 24cm

Tóm tắt: Trình bày bối cảnh lịch sử khi Nguyễn Ái Quốc tìm đường giải phóng dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản; quá trình chuẩn bị tư tưởng chính trị, tổ chức, thống nhất các tổ chức cộng sản và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nhận xét về quá trình sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969 | ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM | SÁCH CHUYÊN KHẢO**

- Ký hiệu phân loại: **324.2597075 / V103TR**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
- Còn trong kho: **DVL.016696**
- **PHÒNG MU'ON**
- Còn trong kho: **MVL.018500**

19. **Những chặng đường lịch sử Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh** / Nguyễn Văn Khoan. - H. : Hồng Đức, 2018. - 215tr.; 19cm. - (Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh)

Tóm tắt: Kể về từng chặng đường lịch sử của Bác, từ khi còn thơ ấu cho đến khi ra đi tìm đường cứu nước, bôn ba qua biết bao quốc gia trên khắp thế giới như

Pháp, Trung Quốc, Xiêm... rồi quay trở về quê hương để dẫn dắt, lãnh đạo đưa cả dân tộc Việt Nam đến với độc lập, tự do. Qua đây, hy vọng chúng ta sẽ càng hiểu thêm về cuộc đời Bác, học hỏi và càng thấm thía hơn những ý nghĩa trong lời dạy của Người

▪ Từ khóa: **HỒ CHÍ MINH, 1890-1969** | **TIỂU SỬ** | **CUỘC ĐỜI** | **HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG**

- Ký hiệu phân loại: **959.704092 / NH5567CH**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
 - Còn trong kho: **DVV.022365**
- **PHÒNG MƯỢN**
 - Còn trong kho: **MVV.022386**
 - Đã cho mượn: **MVV.022385**
- **PHÒNG TƯ CHON**
 - Còn trong kho: **LC.040334**; **LC.040335**

20. **Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924 - 1927)** / GS. Song Thành chủ biên. - H. : Công thương, 2018. - 240tr. : Ảnh, bản; 21cm

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

Tóm tắt: Trình bày những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ mở lớp huấn luyện chính trị, thành lập hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo Thanh niên và những hoạt động của Người trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế của Người ở Quảng Châu từ năm 1924 đến năm 1927.

▪ Từ khóa: **LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI** | **VIỆT NAM** | **HỒ CHÍ MINH, 1980-1969** | **HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG**

- Ký hiệu phân loại: **959.704092 / NG527A**
- **PHÒNG ĐỌC TH**
 - Còn trong kho: **DVL.022750**